

**ĐẢNG BỘ HUYỆN CHỢ MỚI
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ HÒA MỤC**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ HÒA MỤC
(1946 - 2018)**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
NĂM 2020**





CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)



LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ XÃ HÒA MỤC

(1946 - 2018)

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Mới

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Hòa Mục (nhiệm kỳ 2015 - 2020)

BAN CHỈ ĐẠO

- | | |
|-------------------------|--|
| 1 Đinh Ngọc Toàn | Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND;
Trưởng ban. |
| 2 Hà Văn Quý | Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy;
Phó Trưởng ban. |
| 3 Hoàng Văn Thửu | Phó Bí thư, Chủ tịch HĐND;
Thành viên. |

BAN BIÊN SOẠN

- | | |
|----------------------------|--|
| 1 Đỗ Hằng Nga | Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, giảng viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên (Chủ biên). |
| 2 Dương Minh Nhật | Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, Tổ trưởng Tổ Lịch sử địa phương, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên. |
| 3 Mai Thị Hồng Vĩnh | Tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học, giảng viên Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên. |

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

1	Hà Văn Quý	Trưởng ban
2	Hoàng Văn Thửu	Phó Trưởng ban
3	Hoàng Văn Thế	Phó Trưởng ban
4	Nguyễn Nhật Hoàng	Ủy viên
5	Âu Đình Thông	Ủy viên
6	Hà Tạ Tổng	Ủy viên
7	Đinh Văn Cư	Ủy viên
8	Âu Đình Hường	Ủy viên
9	Lường Văn Tòng	Ủy viên
10	Hoàng Văn Hanh	Ủy viên
11	Hà Hữu Quỳnh	Ủy viên
12	Hoàng Hữu Thám	Ủy viên
13	Âu Đình Can	Ủy viên
14	Bùi Văn Chanh	Ủy viên
15	Âu Đình Hào	Ủy viên
16	Hoàng Văn Hiệu	Ủy viên
17	Dương Văn Nhượng	Ủy viên
18	Lèng Văn Ngru	Ủy viên
19	Đinh Văn Khoe	Ủy viên

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Chợ Mới, Đảng ủy xã Hòa Mục tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách *"Lịch sử Đảng bộ xã Hòa Mục (1946 - 2018)"*. Cuốn sách là một công trình khoa học trình bày có hệ thống về công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân các dân tộc địa bàn Hòa Mục dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, từ ngày có Đảng lãnh đạo đến năm 2018. Nội dung cuốn sách được thể hiện trong 5 chương và các phần Kết luận, Phụ lục.

Cuốn sách là một trong những tài liệu quý, góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống cho nhân dân các dân tộc xã Hòa Mục; động viên nhân dân các dân tộc Hòa Mục phát huy truyền thống, không ngừng nỗ lực phấn đấu, vươn lên xây dựng các cấp bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quốc phòng - quân sự địa phương. Cuốn sách cũng là tài liệu để các cấp ủy Đảng, chính quyền và lãnh đạo, chỉ huy cơ quan quân sự nghiên cứu, rút kinh nghiệm, vận dụng vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác trong tình hình mới. Đây còn là nguồn sử liệu địa phương cho học sinh, sinh viên và các thầy, cô giáo tìm hiểu trong quá trình học tập, nghiên cứu và giảng dạy ở nhà trường các cấp.

Trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản cuốn sách, Ban Biên soạn đã được Huyện ủy, trực tiếp

là Ban Tuyên giáo Huyện ủy Chợ Mới, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; được các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, các cụ cao niên trên địa bàn xã và các đồng chí nguyên là cán bộ lãnh đạo xã, Phòng Lưu trữ Tỉnh ủy Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phòng Lưu trữ Huyện ủy Bạch Thông nhiệt tình cung cấp tư liệu, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bản thảo.

Thay mặt Đảng ủy xã Hòa Mục, xin chân thành cảm ơn các tập thể và cá nhân đã tận tình giúp đỡ để cuốn sách được xuất bản và ra mắt bạn đọc đúng vào dịp kỉ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Chào mừng Đại hội Đảng bộ xã Hòa Mục lần thứ XV (2020 - 2025).

Do nguồn tư liệu thành văn rất hạn chế và phân tán, nên nội dung cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Đảng ủy xã Hòa Mục và Ban Biên soạn rất mong cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc và chiến sĩ lực lượng vũ trang trong huyện cùng các bạn đọc góp ý.

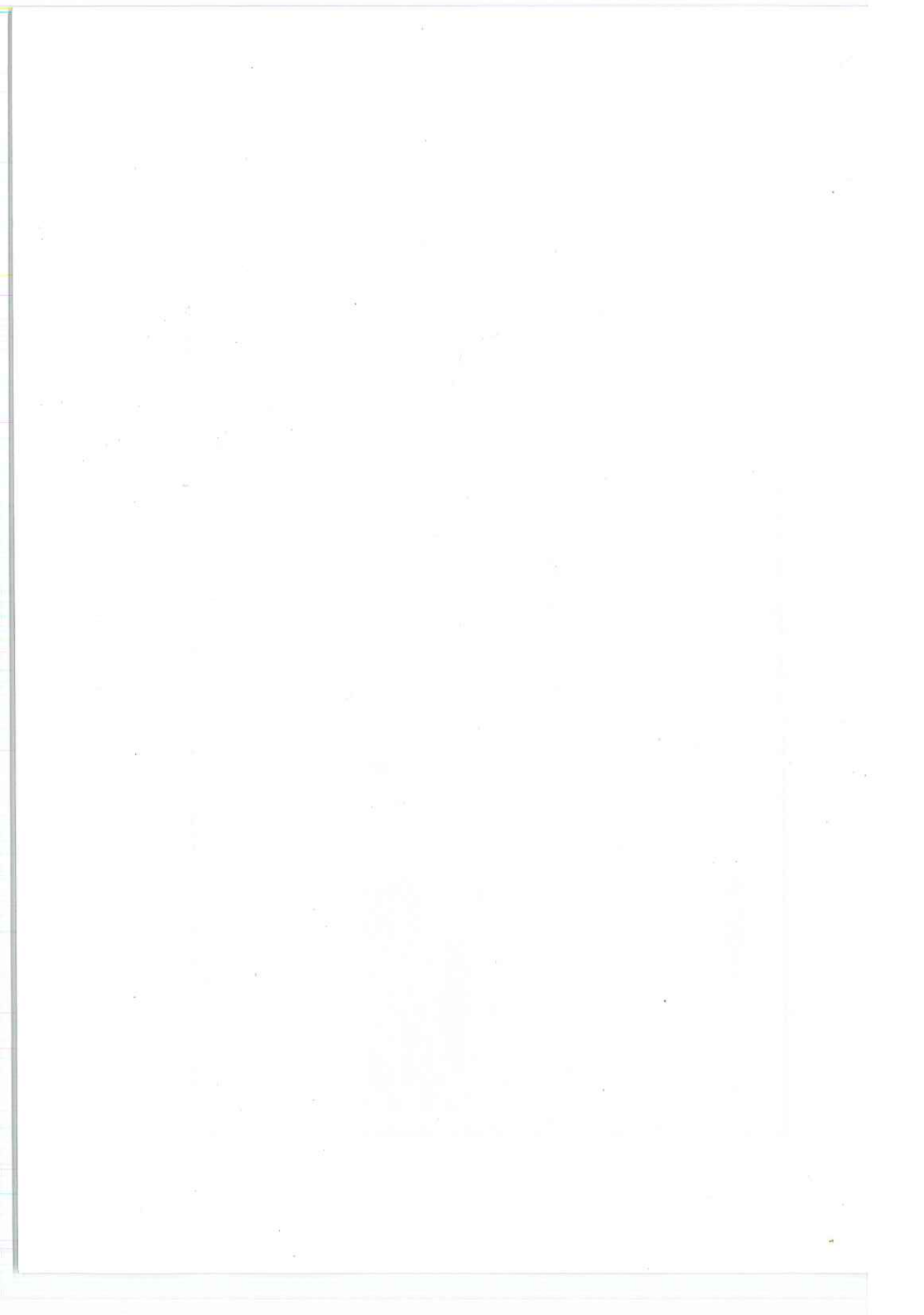
Trân trọng giới thiệu cuốn sách ***"Lịch sử Đảng bộ xã Hòa Mục (1946 - 2018)"*** với cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc xã Hòa Mục cùng đông đảo bạn đọc.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ



ĐINH NGỌC TOÀN



Mở đầu

QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

Hòa Mục là một xã nằm ở phía đông bắc của huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, cách trung tâm huyện Chợ Mới khoảng 25 km. Phía bắc giáp xã Nông Thượng và phường Xuất Hóa của thành phố Bắc Kạn; phía đông giáp xã Tân Sơn; phía nam giáp xã Cao Kỳ; phía tây giáp xã Thanh Vận (đều thuộc huyện Chợ Mới).

Địa hình huyện Chợ Mới được chia thành ba vùng chủ yếu. Khu vực phía đông (Tân Sơn, Yên Cư, Yên Hân, Bình Văn, Như Cố) là các dãy núi đá, thung lũng, cánh đồng nhỏ hẹp; sông, suối lắm thác ghềnh. Khu vực phía tây (Thanh Mai, Thanh Vận, Mai Lạp) là núi đất, xen kẽ các cánh đồng nhỏ hẹp. Hòa Mục nằm trong khu vực dọc theo Quốc lộ 3 (cùng với các xã Cao Kỳ, Nông Hạ, Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu và thị trấn Chợ Mới). Đây là khu vực đồi núi được cấu tạo từ các loại nham thạch cổ, xen kẽ với các dãy núi đá vôi. Các dãy núi được ngăn cách bởi các thung lũng nhỏ, hẹp. Một số thung lũng được khai phá thành những cánh đồng tương đối bằng phẳng dọc theo các triền sông, triền suối, thuận lợi cho việc trồng lúa và trồng hoa màu.

Hòa Mục có độ cao trung bình so với mặt biển khoảng 300 m. Xã nằm ngay cửa ngõ ra vào của vùng rừng núi Việt Bắc rộng lớn, nơi chuyển tiếp địa hình từ núi cao xuống đồi thấp và ở giữa lòng chảo của hai cánh cung Ngân Sơn và sông Gâm. Địa hình Hòa Mục bị chi phối bởi những dãy núi vòng cung quay lưng về phía đông xen lẫn với những thung lũng. Dạng địa hình phổ biến ở đây là đồi xen kẽ núi thấp. Độ dốc trung bình từ 15 đến 25°, thuận lợi cho canh tác nông - lâm nghiệp kết hợp trồng cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày.

Hòa Mục có hệ thống sông suối phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân địa phương. Sông Cầu là con sông quan trọng nhất trong hệ thống sông Thái Bình. Sông bắt nguồn từ các suối chảy trên vùng núi Tam Tao (thuộc địa phận các xã Bằng Phúc, Phương Viên huyện Chợ Đồn). Từ đây, sông Cầu theo hướng chủ yếu tây - đông đến thành phố Bắc Kạn ngoặt tại xã Mỹ Thanh. Tại đây, sông tiếp tục đổi hướng đông bắc - tây nam. Đến xã Nông Hạ (huyện Chợ Mới), sông nhận một chi lưu phía hữu ngạn chảy về từ xã Mai Lạp (sông Thanh Mai)¹ theo hướng tây bắc - đông nam. Tới địa phận thị trấn Chợ Mới, sông nhận một chi lưu nữa phía hữu ngạn rồi đổi hướng sang tây bắc - đông nam và

¹ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (2003), *Các dân tộc ở Bắc Kạn*, Nxb. Thế giới; Tạp chí Dân tộc và Thời đại, tr.29-30.

chảy về Thái Nguyên. Chế độ thủy văn của sông Cầu được chia thành hai mùa: mùa lũ bắt đầu từ tháng 6 đến tháng 9, mùa khô từ tháng 10 đến tháng 5 năm sau. Đoạn sông Cầu chảy qua địa phận xã Hòa Mục dài khoảng 7 km. Nằm trong vùng mưa nhiều của tỉnh Bắc Kạn (1.500 - 2.700 mm/năm), sông Cầu có lưu lượng nước tương đối lớn, bình quân năm khoảng 73 m³/s. Nhờ lưu lượng nước lớn mà từ xưa sông Cầu đã là một trong những tuyến đường thủy quan trọng đảm nhận việc giao lưu buôn bán giữa Hòa Mục và một số địa phương lân cận. Hằng năm, dòng sông này bồi đắp cho xã một lớp phù sa khá màu mỡ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, sông Cầu đóng vai trò vận tải gạo, muối và nhiều vật dụng khác từ miền xuôi đến bến Chợ Mới bằng các thuyền ván lớn, nhỏ. Thời bình, sông Cầu lại vận chuyển tre, nứa, gỗ... từ Hòa Mục và Chợ Mới đưa về xuôi.

Ngoài sông Cầu, Hòa Mục còn có một số con suối. Suối Tát Mèo đổ ra sông Cầu, có chiều dài 11 km và diện tích lưu vực 21 km². Sông suối có vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống của nhân dân Hòa Mục.

Về thời tiết, *Đồng Khánh địa dư chí* cho biết trong lịch sử, Hòa Mục "nhiều lạnh rét, khí đất ẩm ướt, cuối xuân còn lạnh, đến mùa hạ mới hơi nóng, đầu thu đã rét, đến mùa đông rét đậm. Mùa đông và mùa xuân sương mù khí núi che phủ bầu trời, trước giờ Tý sau giờ Thân tứ nhìn quanh không

thấy núi"¹. Ngày nay, khí hậu Hòa Mục mang đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nằm trong khu vực gió mùa xích đạo, hằng năm khí hậu Hòa Mục chia làm bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mùa xuân - hạ trùng với gió mùa Đông nam, từ tháng 4 đến tháng 10, nhiệt độ trung bình 25°C - 27°C. Mùa thu - đông trùng với gió mùa Đông bắc, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, thời tiết giá rét, sương muối. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai mùa tương đối lớn. Nhiệt độ trung bình tháng nóng nhất (khoảng tháng 7) có thể lên đến 27°C, tháng lạnh nhất có thể xuống dưới 10°C. Độ ẩm trung bình là 84%. Nhìn chung, khí hậu Hòa Mục phân hóa theo mùa, thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp cũng như phát triển một số cây nông phẩm cận nhiệt và ôn đới. Tuy nhiên, đôi khi giá rét, sương muối, mưa phùn, gió bắc kéo dài không có lợi cho sự sinh trưởng của động, thực vật, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và sức khỏe con người.

Là một xã miền núi, Hòa Mục có tổng diện tích tự nhiên là 4.111,8 ha, diện tích đất nông nghiệp 3.945,6 ha, đất phi nông nghiệp là 86,33 ha; đất chưa sử dụng là 79,87 ha (số liệu tính đến thời điểm 2018). Đất ở Hòa Mục có nhiều loại. Đất feralit trên các dãy núi thuận tiện cho việc trồng cây gây rừng được đồng bào địa phương khai phá làm

¹ Quốc sử quán Triều Nguyễn (2003), *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, (soạn giả Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyễn, Philippe Papin), tr.820.

nương rẫy. Cây trồng chủ yếu là ngô, lúa, sắn... Đất phù sa sông Cầu chiếm một phần diện tích của Hòa Mục. Loại đất này có độ mùn cao, giàu dinh dưỡng, thích hợp trồng rau xanh, trồng lúa và hoa màu, trong đó việc trồng cây mía đem lại hiệu quả kinh tế cao. Trên diện tích đất rừng, các loại cây trồng chính là mỡ, keo, bồ đề, hời, trúc, quế, bạch đàn,... Rừng là nguồn tài nguyên lớn ở Hòa Mục. Trong rừng có nhiều loại gỗ quý như nghiến, táu, sến, đinh, lim...; nhiều loài động vật quý như báo, hươu, nai...

Giữ vai trò là địa bàn chuyển tiếp giữa châu lỵ Bạch Thông trong lịch sử với vùng đông nam, từ sớm giao thông ở Hòa Mục đã được quan tâm mở mang. *Đồng Khánh địa dư chí* cho biết thế kỉ XIX đã có một con đường dài 90 dặm đi từ lỵ sở châu về phía đông nam, qua đồn Cao Khâu đến đồn Chợ Mới, thông với huyện Phú Lương. Ngày nay, Quốc lộ 3 là đường giao thông huyết mạch chạy cắt ngang Hòa Mục. Nhờ có Quốc lộ 3 chạy qua xã, người dân địa phương có thể đi lại một cách dễ dàng về phía nam xuống trung tâm huyện, tới Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội, lên phía bắc tới trung tâm tỉnh lỵ Bắc Kạn và thông thương đến Cao Bằng. Ngoài ra, Hòa Mục còn có hệ thống đường liên thôn, liên xã, tạo thành mạng lưới giao thông phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân các dân tộc trong xã.

Trải qua các thời kì lịch sử, quá trình hình thành và phát triển, địa danh, địa giới của vùng đất xã Hòa Mục ngày nay có nhiều biến đổi.

Thời các Vua Hùng dựng nước, cùng với Cao Bằng và các xứ khác của Bắc Kạn, vùng đất Hòa Mục thuộc bộ Vũ Định của nước Văn Lang. Thời kì Bắc thuộc (179 TCN - 938), dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc, Hòa Mục ban đầu nằm trong quận Giao Chỉ, đến thời thuộc Đường “là đất châu Long và châu Vũ Nga”¹.

Dưới thời Lý - Trần (1009 - 1400), một giai đoạn phát triển của quốc gia Đại Việt, các đơn vị hành chính có sự thay đổi. Cuối năm 1010, nhà Lý cho đổi 10 đạo thời Đinh - Tiền Lê làm 24 phủ - lộ, châu Hoan, châu Ái đặt làm trại, dưới phủ - lộ là huyện và hương. Tùy theo địa bàn miền núi hay miền xuôi mà tên gọi đơn vị hành chính khác nhau. Phần lớn các địa phương đồng bằng gọi là lộ hay phủ, còn ở miền núi gọi là châu hay đạo. Theo *Đại Nam nhất thống chí* và *Đồng Khánh địa dư chí*, lúc này, Hòa Mục là vùng đất nằm trong “huyện Vĩnh Thông”².

Thời thuộc Minh, nhà Minh đặt cả nước ta là quận Giao Chỉ. Bên dưới quận Giao Chỉ có các cấp phủ, châu,

¹⁻² Quốc sử quán Triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, tr.154.

huyện. Vùng đất Hòa Mục thuộc về châu Vĩnh Thông, phủ Thái Nguyên¹.

Đầu thời Lê sơ (1428 - 1527), cả nước được chia thành 5 đạo: Đông đạo, Tây đạo, Nam đạo, Bắc đạo và Hải Tây đạo. Vùng đất Hòa Mục thuộc về Bắc đạo. Năm 1466, vua Lê Thánh Tông chia cả nước thành 12 đạo thừa tuyên, đổi trấn thành châu, đổi lộ thành phủ. Phần lớn địa bàn Bắc Kạn ngày nay nằm trong thừa tuyên Thái Nguyên. Thái Nguyên thừa tuyên có ba phủ: phủ Phú Bình, phủ Bắc Bình và phủ Thông Hóa. "Phủ Thông Hóa lãnh một huyện là Cẩm Hóa và một châu là Bạch Thông"². Vùng đất Hòa Mục thuộc về châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa.

Trong các thế kỉ XVI - XVII, dân cư các xứ đến quần tụ ở Hòa Mục đông đúc hơn. Tư liệu dân gian cho biết, cuối thế kỉ XVIII, thời nhà Lê, em gái nhà Vua là Lê Thị Định đem theo nhiều của cải đến khu vực Hòa Mục - Cao Kỳ - Thanh Vận cất giấu và cư ngụ, được người dân địa phương tôn xưng là Hoàng Cô. Được Hoàng Cô giúp đỡ, nhà vua phong cho Hà Đức Lám - người xã Thanh Vận - tước Quận công và giao cho cai quản cả vùng. Các xứ đồng lớn khu vực Hòa

¹ Quốc sử quán Triều Nguyễn (2003), *Đồng Khánh địa dư chí*, Nxb. Thế giới, (soạn giả Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin), tr.818.

² Quốc sử quán Triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, tr.154.

Mục - Cao Kỳ - Thanh Vận trở thành ruộng của Quận công và Hoàng Cô.

Thời nhà Nguyễn, đầu thế kỉ XIX, vua Gia Long chia cả nước thành 23 trấn, 4 doanh. Vùng đất Hòa Mục thuộc về ngoại trấn của Bắc thành. Trong hai năm 1831 - 1832, vua Minh Mạng lần lượt bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia lại cả nước thành 30 tỉnh và một phủ (Thừa Thiên), dưới tỉnh là phủ, huyện, thấp nhất là xã. Tỉnh Thái Nguyên quản hạt ba phủ: Phú Bình, Tùng Hóa và Thông Hóa. Phủ Thông Hóa có một huyện (huyện Cẩm Hóa), một châu (châu Bạch Thông)¹.

Đồng Khánh địa dư chí khi thống kê chín tổng, 60 xã, trang của châu Bạch Thông có đề cập đến tên Hòa Mục. Theo *Đồng Khánh địa dư chí*, Hòa Mục là một trong 7 xã của tổng Nông Thượng, châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Như vậy, dưới các triều đại quân chủ, nền hành chính của Bắc Kạn nói chung, Hòa Mục nói riêng chưa ổn định. Bấy giờ, Hòa Mục và các xứ khác của tỉnh Bắc Kạn ngày nay là vùng đất của các tù trưởng dân tộc thiểu số. Họ chịu sự ràng buộc lỏng lẻo vào triều đình phong kiến trung ương. Các Nhà nước quân chủ sử dụng chính sách "*nhu viễn*" với

¹ Quốc sử quán Triều Nguyễn (1997), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb. Thuận Hóa, tr.155-161.

vùng đất này để bảo đảm an ninh biên cương và giữ vững khối đoàn kết dân tộc.

Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, địa danh, địa giới của vùng đất Hòa Mục tiếp tục thay đổi. Tháng 5/1884, sau khi đánh chiếm tỉnh thành Thái Nguyên, quân Pháp từng bước mở rộng phạm vi chiếm đóng ra toàn tỉnh. Để dễ bề cai trị và đàn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân ta, thực dân Pháp duy trì chế độ quân quản với bộ máy hành chính do các quân nhân Pháp đảm nhiệm. Từ năm 1890, chính quyền thực dân chia nhỏ tỉnh Thái Nguyên, nhập vào các tiểu quân khu, thuộc các đạo quan binh. Theo đó, phủ Thông Hóa, phủ Phú Bình sáp nhập với một số địa hạt của tỉnh Bắc Giang thành Tiểu quân khu Thái Nguyên. Phủ Thông Hóa (trong đó có phần đất Hòa Mục ngày nay) sáp nhập với các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng và một phần tỉnh Tuyên Quang để thành lập Đạo quan binh số II Lạng Sơn.

Ngày 11/4/1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định lấy phần đất thuộc phủ Thông Hóa thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành Na Rì), Cẩm Hóa (sau đổi thành Ngân Sơn). Trải qua nhiều chia tách, sáp nhập, Bắc Kạn có năm châu (Bạch Thông, Na Rì, Ngân Sơn, Chợ Rã và Chợ Đồn) với 20 tổng và 103 xã. Vùng đất Hòa Mục thuộc tổng Nông Thượng, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 14/6/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời hai xã Cao Kỳ và Hòa Mục họp, quyết định hợp nhất hai xã Cao Kỳ và Hòa Mục thành xã Cao Hòa¹. Năm 1952, huyện Bạch Thông sáp nhập thêm xã Nông Hạ vào Cao Hòa, lấy tên chung là xã Cao Hòa. Đến năm 1953, khi tiến hành phát động giảm tô, huyện Bạch Thông lại chỉ đạo chia tách trở lại các xã Hòa Mục (Hiệp Hòa), Cao Kỳ (Hoa Thám) và Nông Hạ (Toàn Thắng). Trong đó, xã Nông Hạ tách phần đất phía nam tạo thành một xã mới là Việt Thắng (Nông Thịnh). Xã Hòa Mục lúc này gọi là xã Hiệp Hòa². Năm 1964, xã được đặt lại tên cũ là Hòa Mục³.

Thực hiện Nghị quyết ngày 21/4/1965 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ ngày 01/7/1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên được hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái, gồm 13 đơn vị hành chính trực thuộc. Hòa Mục là một xã của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái.

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cao Kỳ, *Lịch sử Đảng bộ xã Cao Kỳ (1946 - 2015)*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2017, tr.17.

² Đến tháng cuối năm 1953 đầu năm 1954, thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc chỉnh đốn chính quyền dân chủ nhân dân cấp xã, xã Hòa Mục đổi tên thành xã Hiệp Hòa.

Ngày 28/02/2954, Huyện ủy Bạch Thông ban hành Nghị quyết số 02-NQ/BT tạm thời công nhận các Ban Chi ủy tại các xã đã phát động quần chúng (đồng chí Hà Hữu Tý làm Bí thư Chi bộ xã Hiệp Hòa).

³ Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Quyết định số 150-NV, ngày 12/5/1964 về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn, tr.3.

Để đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân các dân tộc và yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 06/11/1996, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX, kì họp thứ 10 đã phê chuẩn việc chia tỉnh Bắc Thái thành hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Tỉnh Bắc Kạn được tái lập. Các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Chợ Rã) được tái nhập lại tỉnh Bắc Kạn. Năm 1998, thực hiện Nghị định số 46/1998/NĐ-CP ngày 06/7/1998, huyện Chợ Mới được thành lập trên cơ sở chia tách thị trấn Chợ Mới và 15 xã phía nam huyện Bạch Thông, gồm: Tân Sơn, Hòa Mục, Thanh Vận, Thanh Mai, Mai Lạp, Cao Kỳ, Nông Hạ, Nông Thịnh, Yên Hân, Yên Cư, Thanh Bình, Như Cố, Bình Văn, Yên Đĩnh và Quảng Chu.

Từ đây, Hòa Mục là một trong 16 xã, thị trấn của huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Tính đến năm 2018, xã Hòa Mục có 8 thôn gồm: Bản Vọt, Nà Tôm, Khuổi Nhàng, Bản Chang, Bản Đồn, Bản Giác, Tân Khang và Mỏ Khang. Trong đó, Bản Chang là trung tâm xã.

Hòa Mục mang đặc điểm dân cư, xã hội của vùng miền núi đông bắc. Trên địa bàn Hòa Mục, các dân tộc anh em Tày, Kinh, Dao,... cùng sinh sống.

Người Tày chiếm đa số dân cư Hòa Mục, phân bố đều khắp trên địa bàn xã. Đây là lớp cư dân bản địa, trước đây sống thành từng chòm, xóm quanh các sườn đồi, theo quan

hệ dòng tộc. Người Tày giàu kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp, vừa trồng lúa nước, vừa phát nương trồng lúa rẫy, trồng ngô, khoai, sắn cùng nhiều cây thực phẩm khác trên những triền đất dốc. Ngôn ngữ Tày cùng tiếng phổ thông đóng vai trò quan trọng trong giao tiếp của các dân tộc trong xã.

Người Kinh di cư từ các tỉnh đồng bằng lên Hòa Mục qua nhiều giai đoạn. Lớp người Kinh đầu tiên đến Hòa Mục vào khoảng những năm giữa thế kỉ XIX, bắt đầu từ việc vận chuyển những vật phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, như dầu thắp, vải, muối... từ miền xuôi lên bán cho người dân bản địa; đồng thời mua những đặc sản của núi rừng, như mộc nhĩ, nấm hương... về bán cho đồng bào miền xuôi. Dần dần, một số người ở lại định cư, sinh sống xen kẽ với các nhóm người bản địa. Số đông người Kinh di cư lên Hòa Mục từ những năm 40 đến những năm 60 của thế kỉ XX. Một số người lên sinh sống trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); một số lên vào những năm sau hòa bình (1954) hưởng ứng cuộc vận động đồng bào các tỉnh miền xuôi tham gia phát triển kinh tế - văn hóa miền núi. Người Kinh mang theo những kinh nghiệm sản xuất của miền xuôi lên làm phong phú thêm trình độ canh tác của nhân dân trong vùng. Họ quen với nghề trồng lúa nước, nông nghiệp gắn liền với nghề thủ công truyền thống.

Cùng với người Tày và người Kinh, người Dao ở Hòa Mục có mặt muộn hơn, số lượng nhiều ít khác nhau, trình độ phát triển kinh tế không đồng đều.

Dân cư các dân tộc phân bố không đều giữa các thôn xóm trong xã, đông hơn ở các xóm trung tâm, thưa thớt ở các xóm xa xôi. Mỗi dân tộc có lịch sử phát triển và ngôn ngữ riêng, có những hoạt động kinh tế, văn hóa đặc thù, những phong tục, tập quán khác biệt, nhưng luôn đoàn kết, gắn bó, tạo nên mối quan hệ hòa hiếu trong cộng đồng dân cư địa phương.

Là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc anh em, nên đặc điểm nổi bật về văn hóa của Hòa Mục là sự hội tụ và đan xen. Bản sắc văn hóa độc đáo, đặc trưng của các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao.... cùng cộng hưởng để tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc, nhiều giá trị độc đáo của địa phương. Tập quán sinh sống, làm ăn riêng lẻ theo tộc người đã được thay thế bằng sự đan xen, hòa quyện không chỉ trong cư trú, sản xuất, mà cả trong quan hệ hôn nhân, gia đình. Mỗi dân tộc vừa có những nét văn hóa độc đáo, phong tục tập quán riêng biệt, vừa có những ảnh hưởng, giao thoa. Nếp nhà sàn truyền thống, những bộ trang phục đặc trưng, những món ăn tiêu biểu của tộc người như bánh khảo, bánh dày, cơm lam,... là những giá trị văn hóa vật thể của đồng bào các dân tộc Hòa Mục được gìn giữ, bảo lưu qua nhiều thế hệ.

Trên địa bàn xã Hòa Mục có di tích khảo cổ học mái đá Pó Phầy. Cùng với mái đá Khuổi Duộc, hang Bó Cậu (xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông) và bãi soi Hang Chùa (xã Yên Đĩnh, huyện Chợ Mới), mái đá Pó Phầy được điều tra thám sát và phát hiện vào năm 2017. Tại đây, các nhà khảo cổ học đã phát hiện 7 mảnh gốm cứng, phủ men có văn thừng. Chất liệu, hoa văn trên gốm có nhiều điểm tương đồng với gốm Đường Cồ (loại gốm thuộc văn hóa Đông Sơn muộn ở đồng bằng sông Hồng), có niên đại vào khoảng đầu Công Nguyên. Việc phát hiện ra đồ gốm cho thấy nơi đây từ sớm đã có con người cư trú, quần tụ, khai thác thiên nhiên và lao động sản xuất.

Đời sống tín ngưỡng của các dân tộc anh em ở Hòa Mục nổi bật lên việc thờ cúng tổ tiên và Thổ thần. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên bắt nguồn từ quan niệm của người dân địa phương về hồn phách. Bàn thờ của các gia đình người Tày, người Nùng, người Dao đặt ở gian giữa nhà. Tùy theo từng nhà, nhà nào thờ bao nhiêu họ thì đặt bấy nhiêu bát hương. Riêng nhà thầy Tào thì đặt ba bát hương. Vị trí của từng bát hương được xếp đặt theo thứ tự từ trái sang phải: họ nào trước thì đặt trước, họ nào sau thì đặt sau. Hằng năm, thay chân hương vào ngày 30 tháng Chạp. Phía trước bát hương đặt ba cái chén để rót rượu vào và dán một tờ giấy đỏ viết chữ Nho. Ngoài thờ cúng tổ tiên và Thổ thần, đồng bào các dân tộc Hòa Mục còn thờ một số vị thần phổ biến trong Phật giáo, Đạo giáo. Người dân địa phương tin

vào nhiều thứ ma quỷ, gọi chung là “phi”, họ cho rằng tất cả những hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và con người đều có “phi”.

Nền văn học nghệ thuật dân gian của đồng bào các dân tộc xã Hòa Mục rất phong phú. Dân tộc nào cũng có hình thức hát dân ca. Nổi bật là nghệ thuật hát then, đàn tính. Theo quan niệm bản địa, Then có nghĩa là Thiên, Thiên tức là “Trời”, vì vậy then được coi là điệu hát của thần tiên truyền lại. Trong đời sống của người Tày cổ, then được dùng trong những sự kiện trọng đại như lễ cầu an, cầu mùa, cấp sắc... Thông qua làn điệu then, lời cầu nguyện của người dân được chuyển đến nhà trời. Đàn tính là loại nhạc cụ dân gian độc đáo của người Tày Hòa Mục, đàn có âm thanh mượt mà, ấm áp, có sức cuốn hút, hấp dẫn kỳ diệu bởi nó gắn liền với văn hoá, đời sống tinh thần của đồng bào từ bao đời nay.

Hòa Mục còn là miền đất của các lễ hội truyền thống. Hằng năm, Hòa Mục có lễ hội truyền thống vào tháng Giêng (lễ hội Lồng tồng) và tháng Năm âm lịch (lễ hội cầu mùa). Vào ngày hội, mỗi nhà chuẩn bị một mâm cơm mang ra một đám ruộng khô ráo, trung tâm để bày biện. Ông chủ từ khấn lễ cầu cho làng xã no ấm, con người không ốm đau, vật nuôi không dịch bệnh, cây trồng không bị sâu bọ phá hoại, mùa màng bội thu, làm ăn phát đạt. Lễ xong, người dân cùng nhau ăn uống ngoài đồng, rồi chơi tung còn, kéo co, đánh vật. Những ngày lễ hội là dịp để nhân dân các dân

tộc trong xã vui chơi, giao lưu, thắt chặt tình đoàn kết. Ngày nay, hai lễ hội này không còn.

Cùng với các địa phương khác trong huyện Chợ Mới và tỉnh Bắc Kạn, Hòa Mục là một bộ phận của “miền quan yếu” ở phía bắc, có vị trí quan trọng về chính trị - quân sự. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, nhân dân các dân tộc Hòa Mục luôn sát cánh cùng nhân dân cả nước đánh bại nhiều đạo quân xâm lược hung hãn.

Thời cổ trung đại, trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc, từ Tần, Hán, đến Tống, Nguyên, Minh, Thanh... các thế hệ người dân xã Hòa Mục luôn có mặt trong những đội quân chống xâm lược, chiến đấu anh dũng bảo vệ quê hương.

Thế kỉ XI, nhà Tống ở phương Bắc cho xây dựng gần biên ải các căn cứ Ung châu, Khâm châu và Liêm châu, âm mưu xâm lược nước ta. Đất nước đứng trước họa xâm lăng. Dưới sự lãnh đạo tổ chức kháng chiến của nhà Lý, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc xã Hòa Mục đã đứng lên kháng chiến. Hưởng ứng chủ trương “Tiên phát chế nhân” của Lý Thường Kiệt, đông đảo con em các dân tộc xã Hòa Mục đã có mặt trong đội quân thượng du do Tôn Đản chỉ huy. Từ phía tây, đội quân chia làm bốn mũi tiến vào đất Tống, làm nhiệm vụ “dương Tây” để đạo quân của triều đình ở phía đông do Lý Thường Kiệt chỉ huy bất ngờ “kích Đông”, vây đánh các căn cứ xâm lược

Ung châu, Khâm châu và Liêm châu của nhà Tống, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến lừng lẫy ở thế kỉ XI.

Thế kỉ XII, Hòa Mục cùng nhiều xứ khác của Bắc Kạn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang... cùng nằm trong phủ Phú Lương rộng lớn, dưới sự cai quản của thủ lĩnh Dương Tự Minh. Trai tráng Hòa Mục gia nhập các đội dân binh do Dương Tự Minh tổ chức, đứng lên tiêu diệt phỉ, trấn áp các bè đảng, bảo vệ làng bản yên bình, dẹp giặc Đàm Hữu Lượng, giữ yên bờ cõi.

Nối tiếp nhà Lý, nhà Trần mở ra thời kì phát triển mạnh mẽ của Đại Việt. Cả ba lần quân Mông - Nguyên sang xâm lược nước ta, chúng đều thất bại. Nhà Trần ba lần đánh bại quân Mông - Nguyên hùng mạnh. Chiến công đó đã nâng cao vị thế của nhà Trần trong lịch sử dân tộc, đồng thời khẳng định thêm truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc miền núi phía bắc trong một quốc gia Đại Việt thống nhất, mà cộng đồng các dân tộc anh em vùng đất Hòa Mục là một bộ phận khăng khít, không tách rời.

Cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV, lợi dụng tình hình bất ổn của Đại Việt, nhà Minh đem quân sang xâm lược nước ta (1406). Nhà Hồ chống đỡ nhưng do không dựa vào sức dân nên đã thất bại. Nhân dân ta sống trong cảnh lầm than suốt 20 năm (1407 - 1427). Không cam chịu cuộc đời nô lệ,

khắp nơi nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Nhân dân Hòa Mục đã tích cực ủng hộ, che chở và tham gia các cuộc nổi dậy, trong đó có phong trào nghĩa binh “áo đỏ” dấy lên khắp vùng Việt Bắc. Phong trào đã gây cho chính quyền đô hộ nhà Minh nhiều thiệt hại, tổn thất, không thể đặt chính quyền và mất khả năng kiểm soát lâu dài ở vùng miền núi phía bắc. Cũng từ đây, phong trào tạo đà cho khởi nghĩa Lam Sơn về sau đi đến thắng lợi hoàn toàn, lật đổ ách đô hộ của nhà Minh, giải phóng đất nước, thiết lập nên triều Hậu Lê.

Triều Lê suy yếu, các tập đoàn phong kiến Mạc, Trịnh giao tranh gay gắt trong một thời gian dài làm cho nhân dân Hòa Mục và các dân tộc ở vùng núi phía bắc vô cùng khốn đốn. Trong hoàn cảnh đó, cuối thế kỉ XVIII, nhân dân Hòa Mục đã đặt niềm tin và hướng sự ủng hộ vào Phong trào Tây Sơn; tham gia đóng góp cho cuộc kháng chiến chống quân Thanh, diệt thù trong, đuổi giặc ngoài, đặt nền tảng cho sự thống nhất đất nước.

Đầu thế kỉ XIX, họ Nguyễn đánh bại Tây Sơn, thiết lập chế độ phong kiến chuyên chế trên phạm vi cả nước. Những xung đột xã hội đan cài nhau và ngày càng căng thẳng đã dẫn tới hiện tượng xã hội nổi bật ngay đầu Triều Nguyễn là sự bùng nổ liên tục của phong trào nông dân. Hòa Mục cùng khu vực miền núi Đông Bắc là địa bàn của nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân chống phong kiến nhà

Nguyễn, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Nông Văn Vân cầm đầu. Nông Văn Vân vốn là dòng dõi thổ tù “nổi đời quản trị” đất Bảo Lạc. Cuộc nổi dậy của Nông Văn Vân bùng nổ năm 1833. Trong cuộc khởi nghĩa này, Hòa Mục và nhiều vùng đất khác của Bắc Kạn ngày nay là những mặt trận chiến đấu quan trọng. Từ Bảo Lạc, quân nổi dậy tiến công chiếm đồn Ninh Biên. Bố chính Phạm Phổ thua trận phải tự tử. Thừa thắng, quân nổi dậy mở rộng địa bàn tiến đánh xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Cả một dải Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn chấn động. Lợi dụng địa hình núi non hiểm trở, quân nổi dậy lúc ẩn lúc hiện, thường xuyên phục kích, gây nhiều tổn thất cho các đạo quân của triều đình vốn không quen thủy thổ và địa bàn. Cuối năm 1833, khi đội quân chủ lực của cuộc khởi nghĩa đang bận ở mặt trận thành Tuyên, thì Nông Văn Sĩ nhận lệnh của Nông Văn Vân, đem một đội quân khác đi đánh châu Bạch Thông, nhanh chóng chiếm cứ được Chợ Rã, rồi Chợ Mới. Nhân dân ở đây theo vào nghĩa quân “đến hơn nghìn người”¹.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Sau khi hoàn tất việc chiếm đóng và đặt ách cai trị lên phạm vi cả nước, ngày 19/3/1884, Pháp đánh chiếm thành Thái Nguyên. Tháng 01/1889, quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng lên các huyện phía bắc. Mục tiêu thứ nhất của

¹ Quốc sử quán Triều Nguyễn (Cao Xuân Dục làm tổng tài), *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Nxb. Văn học, 2004, tr. 1041.

đạo quân là đánh chiếm Chợ Mới, do thủ lĩnh Ba Kỳ chiếm lĩnh. Nhân dân các dân tộc Hòa Mục cùng với nhân dân vùng Chợ Mới tập hợp dưới cờ của thủ lĩnh Ba Kỳ chiến đấu chống xâm lược.

Ngày 13/01/1889, đơn vị tiền tiêu của thực dân Pháp rời Thái Nguyên tiến lên phía bắc. Ngày 17/01/1889, quân Pháp tiếp cận chiến lũy Bằng Ninh, tiền đồn đầu tiên của thủ lĩnh Ba Kỳ, cách Chợ Mới 6 km. Nghĩa quân phục kích bên sườn núi chặn đánh quyết liệt, gây cho Pháp nhiều thiệt hại. Trước thế giặc mạnh, nghĩa quân lần lượt rút bỏ những vị trí trước mắt, nhưng vẫn chiếm lĩnh sườn bên phải của con đường, kiên cường chiến đấu, đẩy lùi hai đợt tấn công của quân Pháp vào chiến lũy Chợ Mới, tiêu diệt và làm bị thương một số binh lính và sĩ quan đi đầu. Phải đến đợt tấn công thứ ba quân Pháp mới vào được Chợ Mới. Trước khi rút lui, nghĩa quân đã tiêu diệt 23 tên địch, làm bị thương 74 tên khác, trong đó có 7 sĩ quan. Đây là một trong những thất bại nặng nề của thực dân Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Chiến công của nghĩa quân Ba Kỳ có phần đóng góp của nhân dân các dân tộc Hòa Mục.

Trong những năm 1896 - 1897, nhân dân Hòa Mục góp phần cùng nghĩa binh do Mã Mang chỉ huy liên tục tấn công quân Pháp tại nhiều nơi trên địa bàn Thái Nguyên, Bắc Kạn. Ngày 10/01/1897, nghĩa quân Mã Mang phục

kích một đoàn vận tải của địch từ thị xã Thái Nguyên ngược sông Cầu lên vùng Chợ Mới, đánh thiệt hại nặng đơn vị hộ tống, thu toàn bộ vũ khí và hàng hóa. Nhiều cuộc chiến đấu quyết liệt giữa nghĩa quân và các đơn vị đồn trú của thực dân Pháp xảy ra trên địa bàn, gây thiệt hại về lực lượng cho cả hai phía. Cuối thế kỉ XIX, cuộc khởi nghĩa Mã Mang kết thúc, nhân dân Hòa Mục lại cùng nhân dân trong vùng hướng về cuộc khởi nghĩa Yên Thế kéo dài đến năm 1913; sau đó là cuộc khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên (năm 1917).

Đầu thế kỉ XX, để đẩy mạnh cuộc khai thác thuộc địa một cách có hệ thống trên quy mô lớn, thực dân Pháp đã tăng cường bộ máy thống trị. Không cam chịu cuộc sống nô lệ, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Hòa Mục tiếp tục đẩy lên phong trào kháng Pháp mạnh mẽ. Do thiếu một đường lối đúng đắn nên khi bị thực dân Pháp đàn áp, các cuộc khởi nghĩa, các phong trào đấu tranh của nhân dân lần lượt thất bại.

Đáp ứng những đòi hỏi bức thiết, khách quan của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đảng đảm nhận sứ mệnh lãnh đạo nhân dân cả nước đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập tự do. Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã nhận thấy “lực lượng đấu tranh của các dân tộc thiểu số là một lực lượng rất lớn”. Vì vậy, sau Hội nghị Ban lãnh đạo Hải

ngoại (tháng 6/1934) và Đại hội đại biểu lần thứ nhất họp tại Ma Cao, Trung Quốc (tháng 3/1935), nhiều cán bộ, đảng viên đã được cử về nước xây dựng cơ sở, đào tạo cán bộ và chỉ đạo phong trào cách mạng ở vùng núi rừng Việt Bắc. Tuy nhiên, cho đến cuối thập niên 30 của thế kỉ XX, Bắc Kạn vẫn chưa có cơ sở cách mạng. Phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc trong tỉnh thời kì này chủ yếu diễn ra tự phát dưới các hình thức biểu tình chống tăng thuế, chống bắt dân đi phu ngày mùa, đòi tăng tiền công, vạch mặt bọn kì hào tham lam, những nhiều dân lành. Ở một vài nơi, trong các cuộc đấu tranh, quần chúng đã dùng cuộc xéng, gây gộc chống lại sự đàn áp của địch và trừng trị bọn cai, kí, tay sai.

Trên cơ sở phong trào cách mạng đã phát triển, ngày 22/9/1943, tại khu vực Coổng Tát, thôn Bản Duồm, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, Chi bộ Chí Kiên - Chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Bắc Kạn đã ra đời. Chi bộ Chí Kiên được thành lập đánh dấu bước ngoặt trong phong trào cách mạng của tỉnh Bắc Kạn. Từ đây, khu vực Bắc Kạn, trong đó có Bạch Thông và Hòa Mục, có ánh sáng cách mạng của Đảng chỉ đường.

Trong cuộc vận động giải phóng dân tộc, người dân Hòa Mục đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng chung. Nhiều tấm gương chiến đấu anh dũng còn ghi dấu trong lòng các thế hệ người dân Hòa Mục.

Đầu năm 1945, tình thế cách mạng dần trở nên rõ nét. Ở Bắc Kạn, Chi bộ Chí Kiên đã tiến hành công tác vận động binh lính địch, làm cho lực lượng cách mạng địa phương ngày càng được mở rộng, lực lượng của địch bị cô lập, hoang mang, rệu rã. Phong trào cách mạng phát triển dẫn đến sự ra đời của Ban Cán sự Đảng tỉnh và Tỉnh bộ Việt Minh. Thực hiện Chỉ thị của Liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng, Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo Ban Việt Minh các châu (huyện) thực hiện chống khủng bố và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Phong trào cách mạng của tỉnh Bắc Kạn nói riêng và Cao - Bắc - Lạng nói chung từng bước được phục hồi và phát triển.

Ngày 09/3/1945, Nhật bất ngờ nổ súng, đảo chính Pháp. Trước tình thế thuận lợi cho cách mạng nước ta, Trung ương Đảng đã kịp thời ra chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Quán triệt Nghị quyết của Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng về việc khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo các hội đoàn cứu quốc tổ chức nhân dân thực hiện nhiệm vụ đánh đổ chính quyền địch, lập chính quyền cách mạng từ cấp xã, đến cấp châu (huyện), cấp tỉnh. Nhân dân các dân tộc vùng Hòa Mục hăng hái tham gia các đoàn thể Việt Minh.

Trong tháng 3/1945, một đơn vị Cứu quốc quân do đồng chí Phạm Duy Tiến chỉ huy đến xây dựng lực lượng tại xã Cao Kỳ. Tranh thủ điều kiện thuận lợi trong lúc quân

Pháp bỏ chạy, quân Nhật chưa đến, bọn tay sai thiếu chủ đang hoang mang rệu rã, ngày 18/3/1945, tự vệ địa phương phối hợp với đơn vị Cứu quốc quân do đồng chí Hoàng Thượng chỉ huy, tập kích đồn Chợ Mới. Tên Bang tá chỉ huy đồn trước đây rất hung hăng, nhưng nay bị quân ta tấn công, không dám chống cự. Toàn bộ quân địch hạ vũ khí đầu hàng. Ta thu 10 khẩu súng và 600 viên đạn. Sau chiến thắng này, chính quyền tay sai của địch ở các xã phía nam hoàn toàn sụp đổ. Chính quyền cách mạng của nhân dân được thành lập. Phong trào cách mạng nhanh chóng lan ra các xã Yên Hân, Yên Đĩnh, Cao Kỳ.

Đầu tháng 4/1945, đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, do đồng chí Xích Thắng (Dương Mạc Thạch) - Chính trị viên, chỉ huy, đến hoạt động tại vùng Thanh Vân, Mai Lạp, hỗ trợ nhân dân trong vùng nổi dậy xóa bỏ chính quyền địch; tịch thu bằng, triện, giấy tờ, sổ sách của quan lại; thành lập chính quyền cách mạng; huấn luyện các đội tự vệ; tổ chức phục kích đánh địch trên dọc Quốc lộ 3.

Trước tình hình quân Nhật tấn công vào các vùng giải phóng của ta, Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và nhân dân đẩy mạnh chiến tranh du kích, tiến công địch ở những nơi chúng càn quét, chiếm đóng. Phối hợp với các địa phương, đầu tháng 5/1945, lực lượng tự vệ Chợ Mới cùng một đơn vị Việt

Nam Tuyên truyền Giải phóng quân phục kích đánh Nhật ở Cao Kỳ và tập kích vị trí đóng quân của chúng ở Chợ Mới.

Để thúc đẩy phong trào quần chúng ở Bạch Thông nói chung, vùng Chợ Mới nói riêng phát triển đồng đều, rộng khắp, sau Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tại Thuần Mang và Ngân Sơn, một số đội vũ trang tuyên truyền được phái vào Bạch Thông. Quán triệt Nghị quyết của Đảng bộ, nhận rõ vị trí quan trọng của Bạch Thông trong việc giành thắng lợi quyết định ở Bắc Kạn, các đội vũ trang tuyên truyền đều hoạt động tích cực, khẩn trương. Nhờ đó, đến tháng 7/1945, tất cả các xã trong vùng Chợ Mới đều hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xóa bỏ chính quyền thực dân - phong kiến, thành lập chính quyền cách mạng, trong đó có chính quyền cách mạng xã Hòa Mục.

Ngày 14/6/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời hai xã Cao Kỳ và Hòa Mục họp dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nông Cao Thăng là cán bộ xây dựng lực lượng cách mạng tại địa phương¹. Cuộc họp đã đi đến quyết định hợp nhất hai xã Cao Kỳ và Hòa Mục thành xã Cao Hòa, nhằm nâng cao sức mạnh của cơ sở.

Sau khi tuyên bố hợp nhất, chính quyền cách mạng Cao Hòa vừa từng bước củng cố về tổ chức, vừa nhanh

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cao Kỳ, *Lịch sử Đảng bộ xã Cao Kỳ (1946 - 2015)*, Nxb. Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, 2017, tr.17.

chống đi vào hoạt động với tư cách là một chính quyền cách mạng đại diện cho quyền lợi của nhân dân các dân tộc trong vùng Cao Kỳ - Hòa Mục, sát cánh cùng đồng bào trong toàn xã đứng lên làm chủ vận mệnh của mình.

Như vậy, từ khi thực dân Pháp đem quân đánh chiếm Bắc Kạn đến khi có Đảng lãnh đạo, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân Hòa Mục nói riêng, nhân dân Bắc Kạn nói chung đã bùng nổ liên tiếp và mạnh mẽ. Truyền thống đấu tranh được xây dựng từ trong lịch sử là nền tảng quan trọng để người dân Hòa Mục viết tiếp những trang rực rỡ từ sau khi có chính quyền cách mạng.

Chương I

TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ QUÂN, DÂN XÃ HÒA MỤC TRONG THỜI KÌ 1946 - 1954

I. Lãnh đạo chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương, góp phần đánh bại các cuộc tấn công của giặc Pháp (1946 - 1950)

Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ vừa ra đời đã phải đối phó với nhiều kẻ thù. Ở miền Bắc, với danh nghĩa quân Đồng minh giải giáp quân Nhật, 20 vạn quân Trung hoa Dân quốc vào đóng quân từ bắc vĩ tuyến 16 đến biên giới Việt - Trung, tìm cách lật đổ chính quyền cách mạng, tạo điều kiện cho lực lượng tay sai lên nắm chính quyền. Quân đội Anh vào đóng ở miền Nam, giúp quân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam. Ngày 23/9/1945, Pháp tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược nước ta lần hai. Sự hiện diện và hoạt động của hàng chục vạn quân Trung hoa Dân quốc, Anh, Pháp, Nhật trên đất nước ta đã tạo điều kiện cho tay sai của chúng, gồm Việt Quốc, Việt Cách... chống phá cách mạng ráo riết. Tình hình phức tạp, cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù đã đặt ra muôn vàn khó khăn cho chính thể cộng hòa non trẻ. Trong khi đó, nền kinh tế Việt Nam kiệt quệ, tiêu điều bởi

hậu quả chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Nạn đói năm 1945 làm cho gần hai triệu người chết chưa khắc phục xong, thì nguy cơ nạn đói mới lại đe dọa. Chế độ thực dân để lại nhiều hậu quả xã hội nặng nề, trên 90% nhân dân mù chữ. Trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Đảng và Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu đã củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc vượt qua chặng đường lịch sử khó khăn.

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ lâm thời (ngày 03/9/1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra 6 việc cấp bách cần làm ngay¹. Tiếp đó, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã vạch ra phương hướng, biện pháp xây dựng chế độ mới và đối phó với các lực lượng đế quốc và phản động đang có mặt trên đất nước ta.

Thực hiện 6 việc cần làm ngay của Hồ Chủ tịch và Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc” (25/11/1945) của Trung ương

¹ Sáu việc cấp bách cần làm ngay: 1- Phát động ngay một chiến dịch tăng gia sản xuất để cứu đói. Mở ngay một cuộc lạc quyền, 10 ngày một lần mỗi người nhịn ăn một bữa, gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo; 2- Mở rộng ngay một phong trào chống nạn mù chữ do thực dân Pháp gây ra đối với đồng bào ta; 3- Tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân; 4- Mở một phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu do chế độ thực dân để lại; 5- Bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện; 6- Tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương, giáo đoàn kết.

Đảng, Tỉnh ủy Bắc Kạn lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị trước mắt. Trong đó, quan trọng hàng đầu là làm tốt công tác bảo vệ và xây dựng bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân. Bởi vậy, ngay từ tháng 10/1945, Hội nghị Tỉnh ủy lâm thời đã đề ra chủ trương củng cố, kiện toàn các đơn vị tự vệ, tự vệ chiến đấu; mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất, động viên lực lượng quần chúng đông đảo vào việc giữ gìn an ninh, trật tự...

Cùng với nhân dân cả nước, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Kạn, nhân dân các dân tộc xã Cao Hòa tích cực đấu tranh chống “giặc đói”, “giặc dốt”, ngăn chặn hành động chống phá của các phần tử phản động.

Thực hiện Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/10/1945 của Chính phủ lâm thời quy định thể lệ cuộc Tổng tuyển cử, ngày 06/01/1946, nhân dân các dân tộc xã Cao Hòa phấn khởi đi bỏ phiếu bầu cử những đại biểu xứng đáng đại diện cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân để tham gia chính quyền. Tỷ lệ cử tri đi bầu đạt trên 90%. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội tại địa bàn xã Cao Hòa thành công tốt đẹp, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên trong cả nước.

Tiếp theo cuộc Tổng tuyển cử, nhân dân các dân tộc Cao Hòa tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và

xã. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính các cấp được thành lập, thay thế cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời. Thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử và bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã biểu thị sức mạnh đoàn kết và quyết tâm làm chủ đất nước của nhân dân các dân tộc Cao Hòa, góp phần nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế; khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ và nghĩa vụ của mỗi người công dân đối với Nhà nước cách mạng, với chính quyền dân chủ nhân dân.

Ngày 04/6/1946, Ủy ban hành chính xã Cao Hòa ra mắt trước toàn thể nhân dân địa phương. Lúc này, những khó khăn chồng chất đặt ra với chính quyền cách mạng non trẻ. Hậu quả từ chính sách cai trị, khai thác và bóc lột hơn nửa thế kỉ của thực dân Pháp đã làm cho nền kinh tế tự nhiên ở địa phương thấp kém và lạc hậu. Phần lớn nhân dân trong xã thiếu ruộng cày. Lương thực, thực phẩm và các nhu cầu thiết yếu khác cho đời sống hằng ngày như: dầu thắp, vải mặc, muối ăn,... đều thiếu thốn. Ngân sách của chính quyền mới thành lập hoàn toàn chưa có. Nạn mù chữ phổ biến trong các tầng lớp nhân dân. Các tệ nạn mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, nghiện thuốc phiện và những hủ tục nặng nề trong ma chay, cưới xin, lễ tết,... là những trở ngại lớn cho sự phát triển của xã hội mới. Thêm vào đó, các thế lực thù địch và phản động lôi kéo, dụ dỗ các phần tử lưu manh,

nhẹ dạ tiến hành các hoạt động chống phá chính quyền non trẻ ở địa phương. Bối cảnh lịch sử đặt Cao Hòa trước những thử thách, khó khăn chông chênh phải vượt qua để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

Lúc này, đội ngũ cán bộ và quần chúng địa phương đã trưởng thành. Từ trong phong trào đấu tranh cách mạng, nhiều người con của Cao Hòa đã trưởng thành về chính trị, tỏ rõ sự trung thành với cách mạng, có tinh thần hăng hái, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng. Nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết một lòng kiên quyết đứng lên bảo vệ thành quả cách mạng. Sự trưởng thành, giác ngộ của quần chúng và phong trào cách mạng Cao Hòa làm cho vấn đề xây dựng và phát triển cơ sở Đảng ở đây được đặt ra bức thiết.

Đầu năm 1946, Đảng bộ cấp trên cử cán bộ xuống Cao Hòa, một mặt trực tiếp chỉ đạo các mặt công tác của xã, một mặt giáo dục tuyên truyền xây dựng cơ sở Đảng tại địa phương. Trong ngày bầu cử 06/01/1946, tại Huyện ủy Bạch Thông, ở Chợ trâu Bắc Kạn, các đồng chí Hoàng Mỹ Đức và Hoàng Thanh Tiến là hai người giới thiệu, đồng chí Nông Thế Trọng là người thay mặt Huyện ủy đã tổ chức lễ kết nạp đồng chí Tạ Văn Xuyến (bí danh Ngọc Khôi) vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Tạ Văn Xuyến là đảng viên đầu tiên của vùng Cao Kỳ - Hòa Mục - Nông Hạ. Tháng 3/1946,

trong cuộc họp tại nhà ông Hà Văn Hán (thôn Bản Vọt, xã Hòa Mục), Chi bộ xã Cao Hòa được thành lập¹.

Chi bộ xã Cao Hòa là chi bộ đầu tiên của các xã phía nam Bạch Thông. Đồng chí Tạ Văn Xuyên trở thành đảng viên chính thức và đảm nhiệm vai trò Bí thư Chi bộ xã Cao Hòa². Sự ra đời của chi bộ đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân xã Cao Hòa nói riêng và nhân dân các xã phía nam Bạch Thông nói chung. Sự ra đời của chi bộ cộng sản đã đưa phong trào cách mạng Cao Hòa phát triển sang một trang mới. Từ đây, chi bộ đảng không ngừng lớn mạnh, giữ vai trò lãnh đạo chính quyền, các hội cứu quốc và tổ chức nhân dân địa phương kháng chiến.

Cùng thời gian này, khi tiến hành củng cố lại bộ máy sau khi sáp nhập với Cao Kỳ thành Cao Hòa, Mặt trận của xã mới được thành lập, do đồng chí Tạ Văn Long làm Chủ tịch Mặt trận.

Để đáp ứng yêu cầu cách mạng, tháng 10/1947, liên chi bộ xã Cao Phong, gồm xã Cao Hòa và xã Phong Lưu (Xuất hóa và Nông Thượng) được thành lập. Đồng chí Tạ Văn

¹ Trích Biên bản làm việc giữa ông Đinh Văn Khoe với đại diện Đảng ủy xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và đại diện Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, ngày 11/11/2015. Ông Đinh Văn Khoe (dân tộc Tày), cán bộ tiền khởi nghĩa. Nơi ở hiện nay: Thôn Nà Cà I, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn. Giáo viên nghỉ hưu.

² Trích bút tích của ông Tạ Văn Xuyên - Cán bộ tiền khởi nghĩa xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, viết ngày 30/11/1996 (Tư liệu do ông Tạ Nguyên Hùng - con trai ông Xuyên cung cấp).

Xuyến tiếp tục giữ vai trò là Bí thư Chi bộ xã Cao Phong cho đến năm 1951.

Ngày 19/11/1948, Chi bộ xã Cao Phong tổ chức họp. Tham dự cuộc họp có 5 đồng chí: Tạ Văn Xuyến, Đinh Văn Khoe, Lộc Văn Cừu, Nông Văn Ngao và Nguyễn Thị Lai. Đồng chí Hà Văn Tạ - cán bộ của tỉnh Bắc Kạn - tham dự và chỉ đạo cuộc họp. Cuộc họp đã quyết định tách đồng chí Lộc Văn Cừu về Nông Thượng, tách hai đồng chí Nông Văn Ngao và Nguyễn Thị Lai về Xuất Hoá.

Đối với Cao Hòa, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, các hoạt động kháng chiến, kiến quốc của quân và dân trong xã những năm 1946 - 1950 thu được nhiều kết quả quan trọng.

Về xây dựng hệ thống chính trị, sau cuộc bầu cử tháng 01/1946, hệ thống chính trị Cao Hòa gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính được kiện toàn. Trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, mọi hoạt động ở xã đều do tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền cách mạng lãnh đạo, quản lí. Ủy ban hành chính Cao Hòa đã thi hành các mệnh lệnh của cấp trên, thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, triệu tập các kì họp Hội đồng nhân dân xã và giải quyết các công việc trong xã Cao Hòa. Trong những năm 1946 - 1949, Ủy ban hành chính xã Cao Hòa trải qua hai thế hệ Chủ tịch: đồng chí Hoàng Sơn Tùng (tức Hoàng Nhì) làm Chủ tịch từ

sau bầu cử tháng 01/1946 đến tháng 6/1947; đồng chí Hà Đức Thắng làm Chủ tịch từ tháng 6/1947 đến năm 1949.

Cùng với việc kiện toàn Ủy ban hành chính, Chi bộ đảng Cao Hòa sớm quan tâm xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, du kích và các đoàn thể quần chúng trên địa bàn.

Toàn xã Cao Hòa tổ chức được một đại đội du kích. Trong đó, riêng du kích vùng Hòa Mục (ngày nay) được tổ chức thành một trung đội, do đồng chí Âu Đình Cáo chỉ huy¹. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích được huấn luyện cách sử dụng các loại súng bộ binh, cách đánh giáp lá cà, cách gài mìn, cắm chông, phá hoại giao thông,... Việc tăng cường trang bị vũ khí cho dân quân, du kích địa phương cũng được chú ý. Với vị trí quan trọng có Quốc lộ 3 chạy qua, Cao Hòa được Bộ Chỉ huy khu 1 cấp mìn dừa, mìn muối, súng kíp, lựu đạn chày và nguyên liệu chì để chế đạn súng kíp.

Để tập hợp đoàn kết mọi lực lượng xung quanh mặt trận dân tộc thống nhất, các tổ chức đoàn thể ở Cao Hòa lần lượt hình thành. Từ cuối 1945, Hội Thanh niên cứu quốc xã Cao Hòa đã hoạt động rất sôi nổi, đoàn kết, tập hợp lực lượng thanh niên trong toàn xã. Mỗi tháng, hội họp một lần. Hội là nòng cốt cho chi bộ Đảng ở địa phương, trong một số giai đoạn đã thay mặt chi bộ Đảng hoạt động công khai tập hợp quần chúng. Mỗi thôn trong xã lại có một Nông hội tổ

¹ Tư liệu do ông Âu Đình Can (thôn Bản Chang, xã Hòa Mục) cung cấp.

chức sản xuất. Hội Nông dân cứu quốc thu hút đông đảo sự tham gia của nông dân. Hội đã phát huy tốt vai trò trong việc tổ chức và vận động nông dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm trong những năm đầu sau cách mạng. Đầu năm 1946, Ban Chấp hành Hội Phụ nữ xã được kiện toàn. Hội ra sức hoạt động tuyên truyền giáo dục, vận động chị em tham gia các công tác xã hội như: tập luyện dân quân, du kích, làm giáo viên bình dân học vụ,...

Trên cơ sở củng cố hệ thống chính trị địa phương, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Cao Hòa đã đoàn kết một lòng bắt tay vào giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra.

Vấn đề cấp bách hàng đầu là diệt giặc đói. Nhằm giải quyết căn bản nạn đói, Huyện ủy Bạch Thông đã chỉ đạo Chi bộ xã Cao Hòa phát động phong trào tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, tổ chức nhân dân trong xã tấn công tiêu diệt "giặc đói".

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, cấp ủy, chính quyền xã Cao Hòa đã đề ra kế hoạch lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau để cứu đói. Lúc này, nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu của Cao Hòa. Sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn. Nhiều diện tích đất trồng trọt trong xã bị bỏ hoang. Đất ruộng hằng năm dân làng chỉ sản xuất một vụ. Các công trình thủy lợi bị thực dân Pháp tàn phá hoặc

không được thiết kế kiên cố, nương nước sơ sài, tạm bợ. Nhiều nông dân không có nhà ở, trâu bò bị giết nên sức kéo khan hiếm nghiêm trọng...

Để khôi phục kinh tế nông nghiệp, một số biện pháp đã được chính quyền cách mạng Cao Hòa áp dụng. Trong xã, người nào có ruộng đất đều phải khai báo với chính quyền về diện tích canh tác. Phần nào chưa canh tác thì buộc phải cho người thiếu ruộng mượn tạm trong một vụ để trồng màu. Để khắc phục khó khăn do thiếu sức kéo, xã tổ chức sản xuất các loại nông cụ nhỏ và nhẹ, với mục đích sử dụng sức người thay cho sức trâu bò. Chính quyền cử cán bộ về các thôn bản vận động nhân dân làm thủy lợi, tát nước, đào giếng để lấy nước sinh hoạt và đảm bảo sản xuất. Thực hiện khẩu hiệu “không một tấc đất bỏ hoang”, chính quyền hướng dẫn và vận động đồng bào các dân tộc Cao Hòa trồng các giống lúa, kết hợp trồng các loại hoa màu ngắn ngày như ngô, khoai, sắn. Trong sản xuất, đồng bào giúp nhau về nhân công, trâu cày. Chính quyền tích cực tuyên truyền trong nhân dân về lợi ích của việc bảo vệ rừng, xử lý một số người khai thác lâm sản trái phép. Cùng với trồng trọt, chăn nuôi trâu, bò, lợn, nuôi thả cá ở Cao Hòa cũng góp một phần giải quyết vấn đề thực phẩm và sức kéo. Với những cố gắng của chi bộ Đảng và nhân dân, sản xuất nông nghiệp Cao Hòa dần được phục hồi. Đời sống của người dân bớt cơ cực.

Bên cạnh việc tăng gia sản xuất, hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch "Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực phụ khác, phải ba bốn tháng mới có, tôi đề nghị mở một cuộc lạc quyền. Mười ngày một lần, tất cả đồng bào chúng ta nhịn ăn một bữa. Gạo tiết kiệm được sẽ góp lại và phát cho người nghèo", nhân dân các dân tộc Cao Hòa nhiệt tình hưởng ứng phong trào lập "hũ gạo tiết kiệm" và tổ chức lạc quyền cứu đói. Mỗi bữa khi nấu cơm, người dân Cao Hòa bỏ lại một vốc gạo, mỗi người nhịn ba bữa trong tháng, số gạo đó cũng được bỏ vào ống, đến cuối tháng có người đến thu gom, rồi phân phát cho những gia đình còn thiếu đói.

Cùng với diệt giặc đói, chi bộ Đảng và nhân dân xã Cao Hòa tích cực diệt giặc dốt. Chủ tịch Hồ Chí Minh coi việc mở chiến dịch chống nạn mù chữ, tiêu diệt giặc dốt là nhiệm vụ cấp bách thứ hai trong 6 nhiệm vụ cấp bách của chính quyền. Hồ Chủ tịch nói "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu" và nhấn mạnh "Dốt thì đại, đại thì hèn; vì không chịu đại, không chịu hèn cho nên thanh toán nạn mù chữ là một trong những việc cấp bách và quan trọng của nhân dân các nước dân chủ mới".

Trước năm 1945, Cao Hòa không có trường học, đa số dân trong xã mù chữ, chỉ một số ít các gia đình có điều kiện mời thầy đồ về dạy chữ cho con cái. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc xóa nạn mù chữ, cùng

nhân dân cả nước, phong trào Bình dân học vụ nhanh chóng được triển khai, lan tỏa vào từng thôn xóm, bản làng của Cao Hòa, trở thành một phong trào nhân dân với những hình thức, thời gian tổ chức linh hoạt, thích nghi với điều kiện của mọi tầng lớp người lao động. Lớp học được đặt tại bất cứ nơi nào thuận lợi cho nhân dân. Cách thức học tập khá đơn giản, ngoài bộ phận giáo viên được huấn luyện ở Huyện Tụng và Chợ Mới rồi đưa về các bản làng phát triển phong trào Bình dân học vụ, thì khắp nơi trong xã "những người đã biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ,... những người chưa biết chữ gắng sức mà học". Phong trào học chữ diễn ra sôi nổi, chính quyền cách mạng có tổ chức kiểm tra và cấp chứng nhận. Hầu như nhà nào cũng có người đi học. Số người thoát nạn mù chữ ngày càng tăng lên. Cuối năm 1946, khoảng 7-8% dân số thoát nạn mù chữ; đến cuối năm 1947, tăng lên đến 11%¹. Trước cách mạng tháng Tám, phụ nữ trong toàn xã chỉ mới có một người biết chữ, khi đến ngày hoà bình lập lại (1954), đã có 90% số người trong độ tuổi lao động biết chữ.

Từ trong phong trào Bình dân học vụ, năm 1946, một nhà trường với bốn lớp ghép được xã tự tổ chức ở Cao Hòa, giáo viên là ông Hoàng Nhì. Cuối năm 1947, ông Hoàng Nhì đi bộ đội, giao lại việc dạy học cho người anh họ là Hoàng

¹ Huyện ủy Bạch Thông (1996), *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930 - 1975)*, Nhà in Bắc Kạn, Bắc Kạn, tr.67.

Văn Thắng. Do Hoàng Văn Thắng không có nghiệp vụ, tỉnh cử thầy giáo Nguyễn Văn Hiến về thay. Năm 1948, thầy Nguyễn Văn Hiến được cách mạng phân công công tác khác, thầy Đinh Văn Khoe thay thầy Hiến, dạy học ở Nà Pục đến năm 1950. Sau khi thực dân Pháp rút chạy, trường học lập ra từ thời kì bình dân học vụ được chuyển thành trường cấp I đóng trên địa phận thôn Khuổi Coóc với số lượng giáo viên được duy trì thường xuyên từ hai đến ba người, hiệu trưởng là thầy Trần Văn Hải.

Song song với cuộc vận động “diệt giặc đói”, cấp ủy, chính quyền Cao Hòa tích cực chỉ đạo cuộc vận động xây dựng đời sống mới nhằm xây dựng nếp sống lành mạnh, đặt lợi ích chung lên trên hết, bài trừ những thủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan có trong đời sống của nhân dân các dân tộc trong xã. Nhiều người dân nghiện thuốc phiện, được chính quyền động viên, đã tự nguyện cai bỏ. Những hủ tục, mê tín trong việc cưới, việc tang giảm dần.

Như nhiều địa phương trên cả nước, những năm đầu của chính quyền cách mạng Cao Hòa, tài chính hết sức kiệt quệ. Nhận thấy rõ những khó khăn tài chính trong buổi đầu của chế độ mới, chi bộ Đảng Cao Hòa đã lãnh đạo, động viên các tầng lớp nhân dân trong xã tích cực tham gia xây dựng Quỹ Độc lập và hưởng ứng Tuần lễ vàng do Chính phủ phát động. Mặc dù đời sống của người dân miền núi còn nhiều thiếu thốn, khó khăn, nhưng với tấm lòng yêu nước, yêu chế

độ, ý thức xây dựng quê hương,... cán bộ và nhân dân trong xã đều nhiệt tình tham gia quyên góp cho chính quyền cách mạng. Nhiều gia đình ủng hộ trâu, bò như gia đình ông Dương Văn Thường (Bản Giác), gia đình ông Hà Hữu Mão (thôn Nà Tôm), gia đình ông Âu Đình Phàng (thôn Bản Chang),...¹. Số tài sản của nhân dân xã Cao Hòa góp phần giúp cho nhà nước giải quyết những khó khăn trước mắt, mua sắm vũ khí trang bị cho lực lượng vũ trang.

Tiếp đó, bước sang đầu thập niên 50, Ủy ban hành chính Cao Hòa cho áp dụng một hình thức thuế gọi là thuế nông nghiệp. Thuế này bắt đầu được thu từ tháng 5/1951, căn cứ vào mức hoa lợi để nộp thuế theo lũy tiến. Người thu hoạch nhiều đóng góp với tỉ lệ cao, người thu hoạch ít đóng góp với tỉ lệ thấp. Người thu hoạch không đủ thì miễn thuế. Để chuẩn bị cho việc thực hiện thuế nông nghiệp, huyện Bạch Thông đã tổ chức tuyên truyền, huấn luyện cho cán bộ các xã từ ngày 01/9 đến 15/10. Cán bộ xã Cao Hòa được phổ biến, học tập về chính sách thuế trong đợt 2, với 47 người tham gia. Tính trung bình trên toàn vùng kháng chiến, mức thuế thu trên hoa lợi là 18,5%. Mức đó đủ đảm bảo những nhu cầu cho chính quyền cách mạng, cho cuộc kháng chiến và cho nhu cầu sinh hoạt cơ bản của nhân dân các dân tộc Cao Hòa.

¹ Tư liệu do ông Hà Dương Thi (thôn Bản Giác, xã Hòa Mục) và ông Đình Văn Cự (thôn Bản Vọt, xã Hòa Mục) cung cấp.

Thông qua thực hiện thuế nông nghiệp, nguồn thu ngân sách được cải thiện đáng kể. Cán bộ, chiến sĩ ở Cao Hòa không có lương mà được lĩnh trực tiếp bằng gạo. Tuy nhiên, quá trình thực hiện thuế nông nghiệp cũng gặp một số hạn chế. Năm đầu tiên thực hiện, khi tiến hành đánh giá sản lượng để áp mức thuế đã xảy ra trường hợp người dân Cao Hòa không công nhận ý kiến của đồng chí chi ủy viên (đồng chí Hợp) vì tư tưởng còn nặng về gia đình, tư lợi¹. Hiệu quả thu thuế ở một vài thôn xóm trong xã không cao.

Song song với việc giải quyết các nhiệm vụ cấp bách trước mắt theo chủ trương của Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện Bạch Thông, Chi bộ xã Cao Hòa còn thực hiện nhiệm vụ trấn áp bọn phản động, gìn giữ trật tự trị an tại địa phương. Trong trấn áp, Chi bộ xã Cao Hòa vừa phân hóa, cô lập, vừa kiên trì thuyết phục, giáo dục những người lầm lỗi. Từ đó, chính quyền cách mạng địa phương được giữ vững.

Những thành quả bước đầu trong thời gian xây dựng chế độ mới đã đặt nền móng vững chắc để chi bộ Đảng và nhân dân xã Cao Hòa bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Cuối năm 1947, thực dân Pháp mở cuộc hành binh lớn đánh chiếm căn cứ địa Việt Bắc. Cuộc tiến công lên Việt

¹ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông, số 52-BC/BT, ngày 15/11/1951, Báo cáo tình hình Đảng lãnh đạo thực hiện thuế nông nghiệp đợt 3.

Bắc của Pháp nhằm ba mục đích: Tiêu diệt đầu não chỉ huy, bắt gọn Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh; tiêu diệt lực lượng chủ lực đối phương; đánh phá các kho tàng, cơ sở kinh tế, quốc phòng, làm tê liệt tiềm lực chiến tranh của đối phương. Để thực hiện kế hoạch này, Pháp tung hai gọng kìm lớn, đồng thời sử dụng quân dù như một mũi thứ ba hòng khép chặt vùng Việt Bắc. Gọng kìm phía tây, một binh đoàn hỗn hợp do tướng Com-muy-nan chỉ huy theo đường thủy, ngược sông Lô tiến chiếm Tuyên Quang, Chiêm Hóa. Còn đại tá Bô-phrê chỉ huy một binh đoàn bộ binh thuộc địa từ phía Lạng Sơn ngược theo đường số 4 đánh lên Thất Khê, Cao Bằng rồi theo Quốc lộ 3 vòng xuống Bắc Kạn, khép chặt hướng đông và hướng đông bắc căn cứ địa Việt Bắc.

Từ ngày 09/10/1947, sau khi chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn, các toán quân Pháp bắt đầu càn quét, cướp phá. Nhân dân, dân quân, du kích và bộ đội ta đã đánh thắng nhiều trận ở các địa bàn xung quanh Cao Hòa: trận chống trả ở kho quân giới Bản Tềng (ngày 09/10); trận phục kích tại khu vực Khuổi Tao; trận du kích Yên Đĩnh chặn đánh toán lính địch càn ở Km 125 - Km 128 Quốc lộ 3 (ngày 13/10).

Ngày 14/10, đồng chí Nguyễn Văn Sù - Đại đội trưởng đại đội du kích Cao Hòa - chỉ huy quân du kích phục kích địch bên sườn núi đá. Theo kế hoạch, khi toán quân thứ nhất của địch lọt vào trận địa phục kích, đồng chí Nguyễn

Văn Sù ra lệnh nổ súng. Bị đánh bất ngờ, quân địch hoảng loạn tìm cách vượt ra khỏi trận địa mai phục, phản kích lại ta. Toán quân địch đi sau nghe tiếng súng nổ phía trước, tưởng bị du kích chặn đánh, liền đặt đại bác và súng máy bắn sang. Hai toán quân địch bắn nhằm vào nhau mấy phút mới phát hiện ra. Chúng tập trung hỏa lực bắn dữ dội vào khu vực có dân quân, du kích Cao Hòa khoảng 20 phút rồi tháo chạy lên Bắc Kạn. Trong trận này, dân quân, du kích Cao Hòa diệt 15 tên địch, bắn bị thương nhiều tên khác.

Ngày hôm sau, 15/10, đồng chí Nguyễn Văn Sù tiếp tục chỉ huy 13 du kích phục kích chặn đường hành quân của hai đại đội địch tại Thác Giềng (Km 13 đường Bắc Kạn - Chợ Mới), diệt 20 tên, phá hủy hai xe ngựa, thu một số súng đạn. Sau đó, du kích Cao Hòa còn tiến hành nhiều hoạt động quấy rối, các trận đánh nhỏ vào vị trí đóng quân của địch, các trận phục kích, chặn đánh các toán quân đi càn quét... gây cho quân Pháp nhiều thiệt hại.

Ngày 19/10/1947, Đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù tiếp tục chỉ huy du kích địa phương, phối hợp với ba chiến sĩ tự vệ công nhân quân giới đào công sự, phục kích đánh địch tại khu vực Km 23 đường Bắc Kạn - Chợ Mới. Trận địa phục kích là đoạn đường dài khoảng 100 m, hiểm yếu, một bên sát vực sông Cầu, một bên là vách núi đá vôi dựng đứng, cây cối rậm rạp. Khoảng 14 giờ, có tin một đoàn 6 chiếc xe chở binh lính địch từ thị xã Bắc Kạn di chuyển xuống Chợ Mới.

Đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù ra lệnh cho đơn vị phục kích dùng địa lôi diệt ba xe đi phía sau. Các tổ địa lôi đào hố chôn ba quả địa lôi xuống lòng đường, mỗi quả cách nhau 30 m. Tổ lựu đạn được bố trí ở giữa các tổ địa lôi có nhiệm vụ tiêu diệt địch khi chúng nhảy từ trên xe xuống. Gần 15 giờ, đoàn xe 6 chiếc của địch hành quân đến cách vị trí du kích địa phương đã ngả cây làm chướng ngại thì dừng lại. Một toán bộ binh địch lên phá vật cản, dọn đường cho xe qua. Đoàn xe 6 chiếc tiếp tục chạy về hướng Chợ Mới. Chờ ba xe đi sau lọt vào trận địa phục kích. Quân du kích được lệnh nổ mìn. Chiếc xe thứ 5 và thứ 6 trúng mìn đổ nghiêng về mép đường phía sông, hất quân địch trên xe xuống sông Cầu. Từ trên cao, du kích ném lựu đạn xuống đường tiêu diệt địch. Bị đánh bất ngờ, quân địch trên chiếc xe thứ 4 nhảy xuống đường, chui vào gầm xe và vách đá tránh đạn. Đại đội trưởng Nguyễn Văn Sù ra lệnh xung phong, nhưng vì vách đá cao không có lối xuống đường, nên trong khi quân du kích đang tìm đường vòng để xuống, thì một đoàn 16 chiếc xe của địch tiếp nối theo sau từ thị xã Bắc Kạn chở lính xuống đến nơi. Chúng dùng đại bác và súng máy bắn dữ dội vào đội hình của ta. Nhờ địa hình hiểm trở, tự vệ và du kích của ta rút lui an toàn. Đây được coi là trận phục kích đánh địch trên đường giao thông đạt hiệu suất cao nhất của du kích ở Bắc Kạn trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đại

đội trưởng Nguyễn Văn Sù được tặng thưởng Huân chương Chiến công Hạng nhất.

Quân và dân ta gây sức ép ngày càng mạnh, nên từ cuối tháng 10/1947, quân Pháp buộc phải rút bỏ một số vị trí ở phía bắc và tây bắc Bắc Kạn. Giữa tháng 11/1947, du kích Cao Hòa tiếp tục phối hợp với bộ đội chủ lực liên tiếp đánh địch trên các trục đường giao thông qua địa bàn xã, gây cho địch thêm nhiều tổn thất.

Những trận tập kích lớn nhỏ của quân và dân Cao Hòa đã góp phần lập nên những chiến công to lớn, phá tan cuộc tiến công chiến lược trong chiến dịch thu - đông năm 1947 và chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp. Sau hơn hai tháng đưa quân lên Việt Bắc, thực dân Pháp ngày càng sa lầy vào thế bị bao vây, chia cắt. Đi đến đâu, quân Pháp cũng bị quân dân ta chặn đánh. Quân số, vũ khí của chúng ngày càng tiêu hao. Không thực hiện được mục tiêu cơ bản của cuộc tấn công, lại bị thiệt hại nặng nề, từ hạ tuần tháng 12/1947, quân Pháp buộc phải rút khỏi Việt Bắc. Cuộc chiến đấu chống địch tấn công Việt Bắc kết thúc thắng lợi. Việt Bắc đã trở thành "mồ chôn quân Pháp" với hơn 6.000 tên địch bị loại khỏi vòng chiến đấu, nhiều phương tiện chiến tranh bị phá hủy. So sánh tương quan lực lượng trên chiến trường chung có lợi cho ta.

Sau Chiến thắng Việt Bắc, Cao Hòa cùng nhiều địa bàn lân cận là vùng tự do. Trong điều kiện không còn chiến sự,

cấp ủy, chính quyền Cao Hòa chỉ đạo quân dân trong xã tiếp tục tăng cường tiềm lực mọi mặt, thường xuyên luyện tập, tuần tra canh gác bảo đảm an ninh trật tự, bảo vệ vững chắc cửa ngõ phía đông ATK Định Hóa (Thái Nguyên), tạo ra thế và lực mới, tiến tới đánh đuổi hoàn toàn kẻ thù. Tháng 02/1948, Hội nghị Quân - Dân - Chính toàn tỉnh Bắc Kạn lần thứ nhất họp tại Thượng Minh (Chợ Rã) nhất trí chủ trương: củng cố, biên chế lại và tăng cường chất lượng du kích xã. Nhiệm vụ của dân quân, du kích là bảo vệ hậu phương căn cứ địa; phối hợp chiến đấu với bộ đội chủ lực, tiểu phỉ, sẵn sàng đánh bại những cuộc tấn công mới của địch. Tiếp đó, từ ngày 02/6 đến ngày 10/6/1948, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn thông qua Nghị quyết, chỉ rõ: Đi đôi với nhiệm vụ xây dựng dân quân, du kích, phải “kiện toàn bộ đội chính quy - Trung đoàn 72 - cho thực trưởng thành”. Đại hội xác định nhiệm vụ tác chiến của tỉnh là phải “triệt đường tiếp tế, vận tải của giặc, bức địch ra khỏi Bắc Kạn”¹.

Bám sát chủ trương của các cấp, tháng 6/1948, cấp ủy, chính quyền Cao Hòa đã chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân, du kích... Lực lượng dân quân, du kích địa phương ngày càng đông đảo, thành phần người Dao được tăng cường. Từ một trung đội du kích ban đầu đã tăng lên hai trung đội. Hai trung đội lại được chia

¹ Dẫn theo: *Báo cáo 6 tháng đầu năm của Tỉnh ủy Bắc Kạn*, tài liệu lưu tại Phòng Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên.

thành nhiều tổ, tiểu tổ; lấy tổ, tiểu tổ làm đơn vị tác chiến cơ sở. Chế độ sinh hoạt, luyện tập của du kích Cao Hòa được xây dựng quy củ.

Trong những năm 1948 - 1949, quân và dân Cao Hòa phối hợp với dân quân, du kích và bộ đội địa phương các xã phía bắc huyện Bạch Thông bao vây, tập kích, chặn đánh các cuộc càn quét, tiêu hao tiêu diệt nhiều sinh lực địch tại các điểm chúng chiếm đóng; bức hàng, bức rút từng toán quân, từng điểm chốt và cuối cùng buộc chúng phải rút khỏi thị xã Bắc Kạn (tháng 8/1949). Trong chiến đấu, nhiều người con ưu tú của Cao Hòa đã anh dũng hy sinh, tiêu biểu như du kích Hà Hữu Hồng, Hà Hữu Ngọc¹,... Sự hy sinh của những người con Cao Hòa đã góp phần viết nên trang sử vẻ vang của quê hương và dân tộc.

II. Lãnh đạo xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1950 - 1954)

Trong những năm 1950 - 1954, cùng với nhân dân trong toàn tỉnh Bắc Kạn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Cao Hòa tập trung khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, chi viện sức người sức của cho tiền tuyến đánh thắng hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược.

¹ Tư liệu do ông Dương Văn Thắng (thôn Bản Giá, xã Hòa Mục) cung cấp.

Để có tổ chức Đảng và bộ máy chính quyền đủ khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, ngay sau khi quân Pháp rút khỏi địa phương, Nghị quyết Hội nghị đại biểu tỉnh Bắc Kạn họp từ ngày 26/6 đến ngày 01/7/1949 đã quán triệt tinh thần xây dựng các cấp chính quyền trong tỉnh là “Đoàn kết các dân tộc, tăng cường năng lực về uy tín”. Huyện ủy Bạch Thông chỉ đạo công tác tổ chức Đảng, chính quyền cấp xã phải được tập trung, thống nhất cao.

Về mặt tổ chức, quá trình xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở xã Cao Hòa luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Bạch Thông. Năm 1953, Huyện ủy chỉ đạo tăng cường công tác chấn chỉnh bộ máy chính quyền, đoàn thể cấp xã. Trong tháng 7/1953, Ban Chấp hành Nông hội xã, Công an xã được chấn chỉnh ở Cao Hòa và các xã khác trong huyện. Tiếp đó, tháng 8/1953, tiếp tục tiến hành chấn chỉnh Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Trong quá trình triển khai chủ trương tăng cường chấn chỉnh bộ máy cấp xã, huyện Bạch Thông đã lấy xã Cao Hòa để làm điểm trong việc chỉ đạo củng cố và xây dựng mọi mặt.

Chi bộ và Ủy ban kháng chiến hành chính Cao Hòa liên tục được kiện toàn. Từ khi thành lập cho đến năm 1952, Bí thư Chi bộ xã Cao Hòa là đồng chí Tạ Văn Xuyến. Năm 1952, khi hợp nhất thêm Nông Hạ, Nông Thịnh vào Cao Hòa, đồng chí Tạ Văn Xuyến không còn tiếp tục làm Bí thư chi bộ. Năm

1953, khi cuộc phát động giảm tô diễn ra, tổ chức hành chính xã Cao Hòa lại tách thành bốn xã như cũ. Tổ chức cơ sở Đảng cũng chia tách theo. Lúc này, vùng đất Hòa Mục gọi là xã Hiệp Hòa. Chi bộ xã Hiệp Hòa do đồng chí Hà Hữu Tý làm Bí thư.

Trong xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền, Cao Hòa coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, coi việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nội dung quan trọng để nâng cao chất lượng hoạt động của Chi bộ, là cốt lõi để xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Với nhận thức đó, trong những năm 1950 - 1954, Chi bộ thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục ý thức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đội ngũ đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Năm 1953, quá trình sàng lọc đảng viên trong Chi bộ đã phát hiện một số trường hợp sai phạm. Đồng chí Nguyễn Văn Lú, xã đội trưởng, là đảng viên trung nông xã Cao Hòa, đã phá mất 28 quả lựu đạn, lấy kíp về bắn cá, sau lấp nguyên vẹn lại phát cho du kích mang bảo vệ. Đồng chí Nguyễn Văn Lú còn bán đi gần 100 viên đạn, làm tổn hại của công. Nhận thấy đây là những sai phạm cố ý, vi phạm tư cách đảng viên, làm ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng với tổ chức cơ sở Đảng, cấp ủy Cao Hòa đã báo cáo trường hợp của đồng chí Lú lên Huyện ủy. Huyện ủy Bạch Thông đã gửi công văn số

18-BC/BT ngày 26/5/1953 lên Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn đề nghị khai trừ đồng chí Nguyễn Văn Lú ra khỏi Đảng.

Đối với Ủy ban kháng chiến hành chính, trong những năm 1950 - 1951, Ủy ban kháng chiến hành chính Cao Hòa do đồng chí Âu Đình Soan làm Chủ tịch.

Sau khi sáp nhập thêm xã Nông Hạ và xã Nông Thịnh, Hội đồng nhân dân xã Cao Hòa được bầu lại. Hội đồng có đủ các thành phần giai cấp, dân tộc. Trong thời gian này, hoạt động của Hội đồng nhân dân xã Cao Hòa không đều và không thống nhất. Có khi mỗi tháng họp một kỳ, lại có khi vài ba tháng mới họp. Trước tình hình đó, năm 1950, Huyện ủy Bạch Thông chỉ đạo Ủy ban kháng chiến hành chính huyện một mặt lập kế hoạch huấn luyện cho các thành viên Hội đồng nhân dân xã về các nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp hoạt động của hội đồng và thành viên; mặt khác thay thế những thành viên yếu kém về năng lực, sức khoẻ hoặc thiếu tích cực trong công tác. Cao Hòa cử cán bộ chủ chốt tham dự các lớp huấn luyện do tỉnh Bắc Kạn và huyện Bạch Thông tổ chức. Qua huấn luyện, chủ trương của cấp trên được cấp ủy, chính quyền Cao Hòa hiện thực hóa, đặc biệt là việc bồi dưỡng và đưa cán bộ dân tộc thiểu số người Dao, người Hoa tham gia vào bộ máy chính quyền.

Năm 1951, Chi bộ Đảng xã Cao Hòa đã chỉ đạo hoàn chỉnh Ban Công an xã. Cùng với đó, xã tiến hành xây dựng một số trạm gác dọc Quốc lộ 3 để kiểm soát tình hình an

ninh, chính trị, phát hiện những yếu tố bất thường ở địa phương... Ban Công an Cao Hòa đã góp phần vào thắng lợi chung của Công an huyện Bạch Thông khi kịp thời ngăn chặn, xử lý các hoạt động sai trái của những phần tử thoái hóa biến chất, những hành vi phá hoại của các thế lực phản động trong “Đảng hòa bình”, “Đảng Tối mật” do Hà Đức Thượng, Hoàng Tiến Công, Lý Quang Bình ở Định hóa cầm đầu. Qua thực tiễn công tác, chi bộ Đảng và chính quyền cách mạng Cao Hòa từng bước trưởng thành, góp phần vào thành tích chung của Đảng bộ và nhân dân Bạch Thông trong xây dựng chế độ mới.

Cùng với Ban Công an, để đảm bảo tính cơ động tại chỗ, sẵn sàng chủ động đánh địch, bảo vệ quê hương, Chi bộ Đảng xã Cao Hòa chỉ đạo xây dựng và phát triển lực lượng dân quân, du kích trong xã. Dân quân, du kích Cao Hòa luôn được củng cố, luyện tập thường xuyên. Nội dung huấn luyện gắn với nhiệm vụ cách mạng từng năm. Năm 1953, cùng với du kích 5 xã Yên Đĩnh, Hoa Thám, Phong Lưu, Đình Phùng và Huyền Tụng, du kích vùng đất Hòa Mục (lúc này gọi là xã Hiệp Hòa) được huấn luyện 7 ngày về cách chống âm mưu mới của địch, trường kỳ kháng chiến, tự lực cánh sinh, cách bố trí đánh du kích... Thời gian này, quân số du kích xã Hiệp Hòa duy trì khoảng 70 người, trong đó có một trung đội dân quân khoảng từ 25 đến 30 người thoát ly sản xuất để thường trực chiến đấu. Năm 1954, huyện Bạch

Thông đã tổ chức học tập Chỉ thị số 128 của Tổng quân ủy cho cán bộ xã đội các xã. Cán bộ xã đội Hiệp Hòa tham dự học tập, sau về đã tiến hành tổ chức học tập cho nhân dân trong xã và vận động xung phong kết nạp dân quân, du kích theo tiêu chuẩn mới. Trong đợt này, Hiệp Hòa là 1 trong 9 xã của huyện Bạch Thông thực hiện xong sớm cả việc tổ chức học tập và kết nạp. Trên toàn huyện, tổng số du kích đã phát triển thêm được 94 người, tổ chức được 175 dân quân, trong đó có đóng góp đáng kể của xã Hiệp Hòa. Dân quân, du kích được biên chế thành các trung đội, tiểu đội. Trung đội trực chiến giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Trung đội trưởng là các đồng chí Hoàng Văn Mạ (1950 - 1951), Nguyễn Văn Lú (1952 - 1953), Tạ Văn Loa (1953 - 1954) và Lường Văn Sơn (1954 - 1956).

Hệ thống chính trị được củng cố là cơ sở để Cao Hòa khôi phục, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

Trong những năm 1950 - 1954, sản xuất nông nghiệp ở Cao Hòa gặp nhiều khó khăn. Nhiều diện tích cày cấy trong xã Cao Hòa phải bỏ hoang. Trận lụt lớn (tháng 10/1950) tàn phá nặng nề sản xuất. Vụ mùa năm 1953, khi đa số các xã trong huyện cấy đã xong, thì Cao Hòa vẫn còn nhiều thôn chưa cấy do thiếu nước, sau đó vì gặt muộn nên các ruộng cấy chiêm và Nam Ninh làm vội vàng và cẩu thả. Việc chăm bón cây trồng còn nhiều hạn chế. Sản lượng thu hoạch thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Chi bộ quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với hai nguyên tắc: “vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung tự cấp về mọi mặt”¹. Trong khi quân địch còn chiếm đóng một số vị trí trên Quốc lộ 3, thường xuyên tiến hành oanh tạc, càn quét, lùng sục phá hoại, Chi bộ Đảng xã Cao Hòa đã chỉ đạo “địch phá ngày, ta làm đêm”. Theo đó, nhân dân xã Cao Hòa bám đất, bám đồng ruộng, tích cực tăng gia sản xuất. Đến cuối năm 1950, nhân dân xã Cao Hòa đã góp phần vào thắng lợi chung của toàn huyện Bạch Thông trong việc phục hóa gần 20 ha ruộng. Với phương châm tận dụng mọi khả năng về giống, vốn, sức kéo, tranh thủ sự giúp đỡ của các đơn vị bạn, trồng cấy hết diện tích, nhân dân xã Cao Hòa tiến hành khai hoang, phục hóa đến đâu, thì trồng cấy ngay đến đó.

Từ năm 1950, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, các cơ quan Khuyến nông - Khai hoang, Tín dụng - Sản xuất, Thủy nông... của tỉnh dành một phần kinh phí cho nông dân vay để mua sắm nông cụ, trâu, bò, phục vụ sản xuất. Cấp ủy, chính quyền Cao Hòa động viên nhân dân trong xã tích cực gieo trồng lương thực bảo đảm hết diện tích, đúng thời vụ, đắp bờ giữ nước, tăng cường phân bón. Công tác bảo vệ mùa màng được coi trọng. Năm 1953, có dịch trùng sâu hoành hành, gây hại lúa và hoa màu. Các xã

¹ Trường Chinh, *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, tr.39.

bị ảnh hưởng nhiều là Huyền Tụng, Phong Lưu, Hòa Bình, Hạnh Phúc, Yên Hân. Nhiều gia đình phải đốt cả ruộng mạ vì nhiều sâu cắn. Cao Hòa tuy chỉ bị trùng sâu lẻ tẻ phá hoại, nhưng cấp ủy, chính quyền xã vẫn chỉ đạo tổ chức nhân dân bắt và diệt sâu, ngăn chặn sự mở rộng, lây lan của sâu hại, bảo vệ mùa màng. Nhờ đó, năng suất cây trồng từng bước ổn định. Sản lượng lương thực của Cao Hòa được đảm bảo. Nhân dân xã còn đóng góp đáng kể vào cuộc vận động bán thóc để Hồ Chủ tịch khao quân và cấp dưỡng cho bộ đội địa phương.

Những năm 1950 - 1954, hoạt động khai thác lâm, thổ sản ở Cao Hòa có kết quả tốt. Cao Hòa cùng với Đào Lâm, Thanh Mai là ba xã có sản lượng khai thác lâm thổ sản nhiều nhất huyện Bạch Thông, trong đó có một số lâm thổ sản nổi bật như sa nhân, củ nâu,...

Năm 1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II nhận thức hoàn chỉnh về tiến trình cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nói chung và đường lối cách mạng ruộng đất. Theo đó, chính sách ruộng đất trong kháng chiến được Đại hội II quy định chủ yếu là giảm tô, giảm tức. Mục đích trước mắt là làm cho nông dân phấn khởi tăng gia sản xuất, hăng hái tham gia giết giặc, bảo đảm cung cấp và đoàn kết toàn dân để kháng chiến. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Ban giảm tô, giảm tức xã Cao Hòa đã được thành lập. Trong những năm đầu thập niên 50, Ban giảm tô, giảm tức

xã đã thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức sâu rộng, giải quyết ruộng đất cho nông dân trong xã trên cơ sở quán triệt nguyên tắc “lấy xã làm cơ sở, dân cày là chỗ dựa”. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh Bắc Kạn và Liên khu Việt Bắc, huyện Bạch Thông đã chủ trương phân chia địa bàn huyện thành bốn khu vực để tiện cho việc chỉ đạo và phát động quần chúng đấu tranh với địa chủ và các thế lực bóc lột tại địa phương. Xã Cao Hòa nằm trong khu vực 4 của huyện.

Để tiến hành thực hiện giảm tô, giảm tức và giải quyết vấn đề ruộng đất, trước tiên cấp ủy, chính quyền xã tổ chức tuyên truyền cho các tầng lớp nhân dân hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước. Xã cử cán bộ tham dự các lớp huấn luyện do huyện tổ chức. Các cán bộ sau khi đi học về, thì tổ chức học tập, truyền đạt lại cho chi bộ xã và phổ biến trong nhân dân. Trong khi phổ biến, tầng lớp bần cố nông, trung nông dưới rất phấn khởi, hăng hái tham gia công tác kháng chiến như dân công, nộp thuế. Trung nông lớp trên và phú nông thì lo ngại hoặc không tỏ thái độ gì. Ở Cao Hòa, một số thương nghiệp kiêm địa chủ cũng tỏ vẻ lo ngại, sợ nông dân đấu tranh. Sau khi tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, cùng với các xã khác trong huyện, Cao Hòa thực hiện giảm mức lãi 18% không phân biệt món nợ đó trước hay sau khi có sắc lệnh. Thêm vào đó, dân cày nghèo trong xã được vay thóc, cho tạm hoãn nợ hoặc xóa nợ. Năm 1953, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bước vào giai đoạn tổng

phản công, để tiếp tục nâng cao đời sống nhân dân, động viên lực lượng cao nhất cho tiền tuyến, một lần nữa, xã lại thực hiện giảm tô, giảm tức với quy mô lớn hơn. Đời sống nhân Cao Hòa phần nào được cải thiện.

Kết hợp với quá trình giảm tô, giảm tức, trong những năm 1951 - 1954, xã Cao Hòa thực hiện chỉnh lý thuế nông nghiệp. Thực hiện chủ trương tăng thu, giảm chi, thống nhất quản lý tài chính nhà nước, các khoản thu đều do nhà nước quy định và tập trung để tránh thu chồng chéo giữa Trung ương và địa phương, Chính phủ đã đề ra các loại thuế bao gồm: thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thuế hàng hóa, thuế xuất nhập khẩu, thuế sát sinh, thuế trước bạ và thuế tem. Trong đó, chính sách thuế nông nghiệp ban hành ngày 01/5/1951 có vai trò quan trọng nhất, có ý nghĩa cả về kinh tế và chính trị - xã hội. Thuế nông nghiệp thu bằng hiện vật, thu theo biểu lũy tiến từ 6-45%, những người có thu nhập thấp dưới 60 kg/người/năm không phải chịu thuế. Tỷ lệ thu cao nhất thực hiện với các gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người trên 1.796 kg/năm. Tỷ lệ thu thấp nhất áp dụng đối với các hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người 61-75 kg/năm. Nếu tính chung 90% số hộ nông dân phải nộp thuế mới, thì có 10% số hộ được miễn thuế.

Thực hiện chính sách thuế nông nghiệp của chính phủ, Cao Hòa cùng với Yên Hân và Yên Đĩnh được Khu ủy

liên khu Việt Bắc chọn làm thí điểm chỉnh lý thuế nông nghiệp để nhân rộng ra toàn huyện Bạch Thông. Trong quá trình thực hiện thí điểm, cấp trên cử đồng chí Cao Chung và đồng chí Hải xuống xã công tác. Tổ cán bộ này cùng cán bộ xã và anh Bàn Văn Vinh làm thuế những nương rẫy ở rẻo cao. Vì chính sách có những thay đổi lớn và mới mẻ, nên trong thời gian đầu một số người dân địa phương chưa hiểu hết ý nghĩa của việc chỉnh lý thuế nông nghiệp đã khai giấu diện tích, khai giảm sản lượng. Trước tình hình đó, ngày 27/10/1951, huyện Bạch Thông tổ chức Hội nghị sơ kết thuế nông nghiệp, nhằm đánh giá kết quả, chỉ ra những thiếu sót và tìm biện pháp khắc phục. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện trong hội nghị này. Trong bài nói chuyện, Người nêu rõ ý nghĩa, mục đích, bản chất chính sách thuế nông nghiệp. Quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cấp ủy, chính quyền Cao Hòa đã tổ chức cho nhân dân các dân tộc trong xã tham gia nhiều đợt tuyên truyền, qua đó hiểu được nghĩa vụ của bản thân và sự công bằng hợp lý trong chính sách thuế nông nghiệp của Nhà nước. Từ đó, việc thu thuế nông nghiệp trong xã đã có kết quả tốt hơn. Thời gian này, việc nộp thuế khá vất vả. Các hộ gia đình trong xã phải gánh ra tập kết ở Quốc lộ 3, rồi cùng nhau đóng máng để vận chuyển xuôi theo sông Cầu, nộp kho thóc ở Chợ Mới. Có những năm, sau khi tập kết ở Quốc

lộ 3, các hộ gia đình thuê xe trâu chở đến nộp kho thóc trên Cầu Phà¹.

Mặc dù trong điều kiện các nhiệm vụ xây dựng, cải tạo về kinh tế còn bẽ bộn, nhưng cấp ủy, chính quyền Cao Hòa vẫn quan tâm lãnh đạo các mặt xã hội văn hóa.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú ý. Năm 1953, Cao Hòa cử cán bộ y tế tham dự lớp huấn luyện ở huyện về chăm sóc sức khỏe, vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân. Sau huấn luyện, xã tổ chức phổ biến sâu rộng trong nhân dân, gây dựng được trong nhân dân ý thức không uống nước lã, uống nước đã đun sôi, bảo vệ nguồn nước ăn, uống, sinh hoạt, để tránh nguy cơ bị nhiễm khuẩn.

Những kết quả của công cuộc khôi phục sản xuất, thành lập tổ đổi công và thực hiện thuế nông nghiệp đã góp phần xây dựng Cao Hòa thành một hậu phương vững mạnh. Chính trị ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững, kinh tế từng bước phục hồi và phát triển đã làm cho các tầng lớp nhân dân xã Cao Hòa thêm phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, hăng hái tham gia sản xuất, đóng góp cho kháng chiến.

Thời gian này, do liên tiếp bị thất bại trên các chiến trường, thực dân Pháp tăng cường máy bay ném bom, bắn phá xuống các bản làng của huyện Bạch Thông, Cao Hòa

¹ Tư liệu do ông Đinh Văn Cư (thôn Bản Vọt, xã Hòa Mục) cung cấp.

cũng là một trong những mục tiêu bắn phá. Đồng ruộng bị cày xới, trâu bò bị giết, các trục đường giao thông, các công trình quốc phòng hư hỏng,... Trước tình thế đó, cấp ủy, chính quyền xã Cao Hòa đã tổ chức, động viên nhân dân vượt qua khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống và đảm bảo chi viện ngày càng nhiều cho chiến trường, trước hết là đảm bảo giao thông thông suốt.

Nhằm chống lại âm mưu phá hoại của địch trong việc làm tê liệt giao thông của ta, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ Đảng và Ủy ban kháng chiến hành chính Cao Hòa đã tổ chức và phân loại dân công trong xã theo Điều lệ dân công và theo tình trạng sức khỏe của người tham gia. Những người có sức khỏe loại A được xếp vào đơn vị dân công cơ động, có nhiệm vụ bảo đảm giao thông ở những địa điểm khó khăn. Những người có sức khỏe loại B, C được xếp vào đơn vị dân công phục vụ bảo đảm giao thông ngay tại thôn làng. Lực lượng dân công Cao Hòa đã góp phần không nhỏ vào việc san lấp hố bom, sửa đường và làm đường tránh cho tuyến Quốc lộ 3, đoạn qua xã Cao Hòa, đảm bảo giao thông thông suốt phục vụ kháng chiến.

Năm 1953, để chủ động đề phòng âm mưu và hành động mới của kẻ thù, huyện Bạch Thông đã cử cán bộ công an và huyện đội xuống phối hợp với xã thi hành nghị quyết quân sự. Cùng với đó, huyện cũng cử cán bộ xuống ba xã

Hoa Thám, Phong Lưu và Yên Đĩnh. Tại các xã này, sau khi có cán bộ của huyện cử xuống đã tổ chức xong các tổ bảo vệ giao thông vận tải và các tổ bảo vệ làng xóm. Cao Hòa cử cán bộ, đảng viên tham dự các lớp phổ biến chống âm mưu mới của địch. Qua đó, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu.

Giữa năm 1953, máy bay địch liên tiếp hoạt động trên bầu trời Hiệp Hòa và các xã lân cận. Ngày 01/8/1953, một máy bay B-20 bắn xuống đàn trâu thuộc thôn Quan Làng. Ngày 03/8/1953, máy bay địch lại oanh tạc khu Khuổi Piung, thả ba chùm bom giây (42 quả). Ngày 04/8/1953, 14 máy bay Hen-cát đến phạm vi xã Hiệp Hòa lượn một vòng rồi lần lượt thả 26 quả bom xuống khu vực kho Quân khí;... Trước sự oanh tạc của máy bay địch, Huyện ủy Bạch Thông đã chỉ đạo tăng cường tuần phòng canh gác của ta. Thi hành chủ trương trên, bắt đầu từ ngày 17/8/1953, du kích và công an Hiệp Hòa và các xã dọc đường lại tiếp tục tuần tiểu và canh gác. Phạm vi canh gác được phân công cụ thể cho từng xã. Xã Hiệp Hòa bố trí hai du kích, tuần tiểu canh gác từ cây số 142 đến 148.

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc, những tháng cuối năm 1953, đầu năm 1954, Chi bộ, nhân dân trong xã tập trung mọi nỗ lực, dồn sức chi viện sức người và của cải cho các chiến trường. Nhiều người con của vùng đất này được Tổ quốc ghi công. Trong cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp, xã có một thương binh và năm liệt sĩ¹.

Ngày 07/5/1954, Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi hoàn toàn. Đây là một đòn giáng mạnh có tính quyết định buộc Chính phủ thực dân Pháp phải kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954), cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ba nước Đông Dương. Thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp có một phần đóng góp không nhỏ của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc vùng đất Hiệp Hòa.

¹ Tư liệu do ông Âu Đình Can (thôn Bản Chang, xã Hòa Mục) cung cấp.

Chương II

CHI BỘ ĐẢNG XÃ HIỆP HÒA (HÒA MỤC) TRONG THỜI KÌ 1954 - 1975

I. Lãnh đạo khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế - văn hóa và thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta đã giành được thắng lợi to lớn, đánh dấu bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954) và Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954). Cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới: miền Bắc bước vào thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất đất nước.

Trong bối cảnh chung của cả tỉnh Bắc Kạn, cán bộ, nhân dân xã Hiệp Hòa gặp không ít khó khăn, thách thức. Nền kinh tế lạc hậu, cơ sở vật chất nghèo nàn. Tình trạng thiếu ăn trầm trọng diễn ra ở nhiều thôn bản. Tập tục lạc hậu trong tang ma, cưới hỏi, tệ nạn mê tín dị đoan... còn tồn tại phổ biến. Khó khăn trước mắt còn nhiều, nhưng được sống trong hòa bình, không còn cảnh bom rơi, đạn nổ, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Hiệp Hòa vẫn đoàn

kết một lòng, phấn khởi bước vào thời kì cách mạng mới: thời kì khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân, cải tạo và phát triển kinh tế theo hướng Xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng, an ninh.

Trong nông nghiệp, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, nhân dân các dân tộc trong xã đã tích cực khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất và bảo vệ mùa màng.

Trong những năm 1955 - 1956, trước tình hình hạn hán nặng nề, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Hiệp Hòa, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đã nêu cao quyết tâm "Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa", đảm bảo nước cho sản xuất. Khắp các thôn xóm, nhân dân sôi nổi đắp đập, đào giếng, đào ao, làm mương phai dẫn nước vào ruộng đồng.

Năm 1957, đồng ruộng ở Hiệp Hòa bị dịch chuột cắn hại mùa màng. Nhân dân trong xã đã tổ chức diệt trừ ngay, không cho dịch tràn lan. Trong tổ chức diệt chuột phá hại mùa màng, nhân dân các thôn xóm đã tận dụng mọi khả năng, sáng kiến. Trường hợp chuột cắn lúa ở ngoài đồng thì người dân đắp bờ giữ nước, không tháo nước đi. Cánh đồng nào có nước mương phai đã tháo được tiếp tục cho nước vào ruộng để ngăn cho chuột khỏi cắn lúa. Những đám ruộng hoặc những cánh đồng nào không có mương, phai, phải tích cực chống hạn để đảm bảo hoa màu được tươi tốt đi đôi với việc đề phòng chuột phá hoại.

Nhờ chủ động tưới tiêu và bảo vệ mùa màng, sản lượng lúa và hoa màu trong xã dần tăng lên. Tình trạng thiếu đói trong nhân dân được cải thiện.

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được cấp ủy Hiệp Hòa quan tâm chỉ đạo. Lực lượng dân quân xã Hiệp Hòa đã tăng cường tuần tra canh gác, tập trung vào những địa bàn phức tạp. Công an xã tích cực tham gia các lớp huấn luyện ngắn ngày do Công an huyện Bạch Thông tổ chức, qua đó nâng cao nhận thức về nhiệm vụ, cải tiến lề lối làm việc. Để bảo vệ kho tàng trên địa bàn, huyện Bạch Thông đã đặt một trạm gác thường xuyên có ba người gác ở Hiệp Hòa, một trạm khác ở Hoa Thám. Năm 1954, du kích xã Hiệp Hòa cùng với du kích hai xã Hoa Thám và Tân Phúc tham gia đợt huấn luyện do Huyện đội phối hợp với bộ đội địa phương tổ chức, qua đó ý thức, kinh nghiệm bảo vệ kho tàng được nâng lên.

Hệ thống chính trị địa phương liên tục được xây dựng, củng cố. Từ năm 1953, khi tiến hành phát động giảm tô, huyện Bạch Thông đã chỉ đạo chia tách xã Cao Hòa. Theo đó, xã Cao Hòa được chia lại thành các xã Hiệp Hòa (Hòa Mục), Hoa Thám (Cao Kỳ) và Toàn Thắng (Nông Hạ). Xã Toàn Thắng tách phần đất phía nam tạo thành một xã mới là Việt Thắng (Nông Thịnh). Xã Hòa Mục được đổi gọi là Hiệp Hòa. Sau chia tách, tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng của xã Hiệp Hòa được kiện toàn. Một số

đồng chí được tin nhiệm trải qua nhiều nhiệm kì lãnh đạo. Các đồng chí Mạn Văn Vận, Âu Đình Bang, Hà Hữu Tuyên lần lượt giữ vị trí Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Hiệp Hòa.

Trên cơ sở hệ thống chính trị được củng cố, chính sách ruộng đất của Đảng từng bước được thực hiện ở Hiệp Hòa. Trong quá trình thực hiện chính sách ruộng đất, cấp ủy, chính quyền xã Hiệp Hòa đã quán triệt sâu sắc tinh thần Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II khẳng định sự cần thiết tiến hành cải cách ruộng đất và chủ trương thực hiện triệt để khẩu hiệu “người cày có ruộng”. Tháng 12/1953, Luật Cải cách ruộng đất đã được Quốc hội chính thức thông qua. Theo đó, cải cách ruộng đất nhằm: “Thủ tiêu quyền chiếm hữu ruộng đất của thực dân Pháp và của đế quốc xâm lược khác ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ; thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân; giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và mở đường cho công thương nghiệp phát triển; cải thiện đời sống của nông dân, bồi dưỡng lực lượng của nhân dân, lực lượng của kháng chiến; đẩy mạnh kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, củng cố chế độ dân chủ nhân dân, phát triển công cuộc kiến quốc”¹. Sau hiệp định Giơ-ne-vơ, miền

¹ Luật Cải cách ruộng đất, Khóa họp thứ ba của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc hội nước Việt Nam xuất bản, 1954, tr.11

Bắc được giải phóng. Với quan niệm cải cách ruộng đất trước đây đã là khâu chính để ta phát triển lực lượng, đẩy mạnh kháng chiến thì cải cách ruộng đất lại càng cần thiết để phát triển lực lượng, củng cố hòa bình, Đảng chủ trương đẩy mạnh phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức, cải cách ruộng đất hơn nữa, coi cải cách ruộng đất là nhiệm vụ trung tâm để củng cố miền Bắc.

Đầu năm 1956, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên khu Việt Bắc, một số xã trong huyện Bạch Thông đã tiến hành thí điểm cải cách ruộng đất ở miền núi.

Ngoài số cán bộ trong đội giảm tô, các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn xã cùng các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, du kích cũng được huy động phối hợp triển khai các biện pháp ngăn chặn, trấn áp sự chống đối của các phần tử phản cách mạng, đảm bảo cho việc thực hiện giảm tô diễn ra đúng kế hoạch. Chính quyền và các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân, góp phần làm cho công cuộc giảm tô ở địa phương hoàn thành thắng lợi.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, như nhiều địa phương trên cả nước, việc thực hiện chính sách ruộng đất ở Hiệp Hòa nói riêng và huyện Bạch Thông nói chung có những hạn chế. Nhìn thẳng vào những hạn chế của cải cách ruộng đất, Hội nghị lần thứ X Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 10/1956) nhận định: “Đó là những sai lầm

ng nghiêm trọng, phổ biến, kéo dài về nhiều mặt, những sai lầm về những vấn đề nguyên tắc, trái với chính sách của Đảng, trái với nguyên tắc và điều lệ của một Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, trái với chế độ pháp luật của nhà nước dân chủ nhân dân". Hội nghị đã thẳng thắn vạch ra những sai lầm, phân tích những nguyên nhân và gọi đúng tên những sai lầm là tả khuynh. Trên cơ sở đó, Hội nghị đưa ra những biện pháp hữu hiệu và kiên quyết sửa sai.

Chiến dịch sửa sai được bắt đầu bằng các đợt học tập dành cho đảng viên. Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, sự chỉ đạo chặt chẽ của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ xã Hiệp Hòa quán triệt sâu sắc phương châm *"khẩn trương, thận trọng, đi từng bước vững chắc"*. Tháng 11/1956, Chi ủy đã cử đảng viên trong Chi bộ tham gia các Hội nghị học tập do Huyện ủy tổ chức. Trên cơ sở những kiến thức được trang bị và huấn luyện, các đảng viên trong chi bộ cùng với các đội sửa sai và các tổ chức đoàn thể của xã đã đến từng hộ, nhóm hộ gia đình để giải thích, động viên người nông dân. Công tác sửa sai ở Hiệp Hòa đã đem lại kết quả tốt đẹp. Hai trường hợp đã quy là thành phần phú nông (năm 1953) được hạ xuống thành phần trung nông là ông Hà Văn Hán và Hà Văn Quế ở thôn Bản Vọt¹. Nội

¹ Tư liệu do ông Đinh Văn Cư (thôn Bản Vọt, xã Hòa Mục) cung cấp.

bộ chi bộ Đảng đoàn kết. Lòng tin của nhân dân trong xã vào tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền được tăng cường.

Để đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, công tác xây dựng các tổ đổi công đã triển khai ở xã từ năm 1951, tiếp tục được chi bộ Đảng quan tâm chỉ đạo.

Cùng với cải cách ruộng đất, thời gian này, cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc cũng tác động đáng kể đến đời sống mọi mặt của nhân dân các dân tộc Hiệp Hòa. Nhằm tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số tiến bộ mau chóng về mọi mặt, ngày 01/7/1956, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ban hành Sắc lệnh số 268-SL thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Khu tự trị Việt Bắc bao gồm các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang (trừ huyện Yên Bình), Thái Nguyên (trừ hai huyện Phổ Yên, Phú Bình) và huyện Hữu Lũng của tỉnh Bắc Giang. Hiệp Hòa nằm trong Khu tự trị Việt Bắc. Sự ra đời của Khu tự trị Việt Bắc đã mang lại một không khí hồ hởi, phấn khởi trong nhân dân, tăng cường ý thức làm chủ, tinh thần đoàn kết của các dân tộc trong xã. Từ đây, cán bộ, đảng viên và nhân dân Hiệp Hòa bước vào thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo các thành phần kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960).

Để tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trung tuần tháng 11/1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương

Đảng đề ra nhiệm vụ của miền Bắc là "đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh; đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh...".

Quán triệt Nghị quyết Trung ương lần thứ 14, tại kì họp lần thứ 9 (12/1958), Quốc hội khóa I đã thông qua kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa với nội dung cơ bản là:

1) Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, lấy sản xuất nông nghiệp làm khâu chính, chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đồng thời rất chú trọng sản xuất công nghiệp, hết sức tăng thêm các tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.

2) Ra sức cải tạo nông nghiệp, thủ công nghiệp và công thương nghiệp tư bản tư doanh theo hướng xã hội chủ nghĩa, khâu chính là hợp tác hóa nông nghiệp, đồng thời tích cực phát triển và củng cố thành phần kinh tế quốc doanh.

3) Nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, đồng thời tăng cường củng cố quốc phòng.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp là thực hiện cải tạo quan hệ sản xuất kết hợp với cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động và giáo dục tư tưởng xã hội chủ

nghĩa cho nông dân, nhằm đưa giai cấp nông dân từ chỗ làm ăn riêng lẻ đi dần vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa. Bước vào thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, xã Hiệp Hòa gặp không ít khó khăn và phức tạp, do tập quán làm ăn riêng lẻ đã có từ ngàn đời trong nhân dân địa phương. Tuy vậy, điểm thuận lợi cơ bản là trong những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp và những năm khôi phục phát triển kinh tế sau chiến tranh, Hiệp Hòa đã xây dựng được tổ đổi công. Nhân dân các dân tộc trong xã cần cù, chịu khó, có truyền thống cách mạng và một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Cán bộ, đảng viên trong Chi bộ xã Hiệp Hòa nhận thức sâu sắc về ý nghĩa chính trị của đổi công, hợp tác, quán triệt sâu sắc rằng đây là cơ sở đưa nông dân lao động tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp sẽ tiến hành qua ba bước: Tổ đổi công, hợp tác xã bậc thấp và hợp tác xã bậc cao. Ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, từ mùa thu năm 1958, các đợt đầu tiên cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đã được tiến hành. Tiếp đó, dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 14 (11/1958) và lần thứ 16 (4/1959), phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được đẩy mạnh. Tuy nhiên, ở huyện Bạch Thông, căn cứ vào tình hình thực tiễn địa phương, trong những năm 1958 - 1959, Huyện ủy Bạch Thông vẫn chủ trương đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng tổ

đổi công ở phần lớn các xã trên địa bàn huyện. Chỉ một số ít xã đã có phong trào tổ đổi công phát triển (như Cao Kỳ, Huyền Tung) thì mới bước đầu vận động xây dựng hợp tác xã.

Sau 2 năm thực hiện đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng tổ đổi công, các tổ đổi công ở Hiệp Hòa đã khá phát triển. Hầu hết các tổ nhỏ trong xã đã dần thành tổ lớn. Trên cơ sở đó, tháng 10/1959, Huyện ủy Bạch Thông đã ra Quyết định số 10-QN/BT đồng ý cho tiến hành xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp ở các tổ đổi công Bản Đồn và Bản Giác. Hợp tác xã Bản Đồn và Bản Giác ra đời.

Tháng 11/1959, cấp ủy Hiệp Hòa chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 156 của Trung ương và chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy Bạch Thông là tiến hành cải cách dân chủ để thúc đẩy phong trào hợp tác xã nông nghiệp, phát triển sản xuất. Đầu năm 1960, cuộc vận động cải cách dân chủ được thực hiện ở Hiệp Hòa.

Qua quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, sản xuất nông nghiệp của Hiệp Hòa có một diện mạo mới. Quần chúng nhân dân trong xã từ chỗ ngại ngần, dần trở nên tin tưởng, tích cực tham gia hợp tác xã. Phong trào hợp tác hóa được đẩy mạnh ở Hiệp Hòa. Lúc này, toàn xã có 6 hợp tác xã nông nghiệp, với hơn 98% hộ gia đình nông dân tham gia. Từ năm 1959, xã có hợp tác xã mua bán do ông Âu Đình Bang

làm chủ nhiệm, chức năng chính là nhận hàng từ trên phân phối về bán cho xã viên theo tem phiếu¹.

Phong trào hợp tác hóa được thực hiện đã tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp Hiệp Hòa đạt được những thành tích đáng kể. Đầu năm 1959, sản xuất nông nghiệp trong xã gặp khó khăn do thiếu giống, mạ bị chết rét, nhưng nhân dân vẫn nỗ lực khắc phục, duy trì ổn định sản xuất qua các mùa vụ.

Bên cạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, cấp ủy, chính quyền Hiệp Hòa còn triển khai phong trào hợp tác xã tín dụng và cải tạo công thương nghiệp trên địa bàn xã. Tuy nhiên, do đặc điểm kinh tế - xã hội địa phương nên việc cải tạo xã hội chủ nghĩa trong công thương nghiệp ở Hiệp Hòa chủ yếu xoay quanh hoạt động cải tạo tiểu thủ công nghiệp và số ít người buôn bán nhỏ. Chi bộ xã Hiệp Hòa chỉ đạo tích cực tuyên truyền, giáo dục, vận động thợ thủ công và những người buôn bán nhỏ vào làm ăn tập thể hoặc chuyển sang sản xuất nông nghiệp.

Các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục được cấp ủy, chính quyền quan tâm. Giáo dục đào tạo có tiến bộ. Trong những năm 1956 - 1960, giáo dục vỡ lòng được xây dựng và phát triển trên địa bàn xã. Năm 1959, trường Cấp I của xã được thành lập². Con em các dân tộc Hiệp Hòa được theo

¹ Tư liệu do ông Đinh Văn Cự (thôn Bản Vọt, xã Hòa Mục) cung cấp.

² Tư liệu do ông Đinh Văn Cự (thôn Bản Vọt, xã Hòa Mục) cung cấp.